

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

7.18

Group B14
Round 2

Board 1

WHITE Fangchenxi				FED				RESULT (W) 0			
BLACK DingLin				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Bf2	b6	41	Qb7	R8e7			
2	d4	d5	22	Be3	c5	42	Qa8	Ne3			
3	ed	ed	23	Bd5	Qe6	43	Ks1	Nd1			
4	Nf3	Nb6	24	Re1	d4	44					
5	Bd3	Nb4	25	Bf2	Rb8	45					
6	Be2	Bf5	26	Ba6	Pc7	46					
7	Na3	Nb6	27	Bf1	Qd5	47					
8	o-o	Ba3	28	g3	Ne7	48					
9	ba	Nc7	29	d4	Qe6	49					
10	Rb1	Rb8	30	Bd3	Qg6	50					
11	Bf4	Nb6	31	Rb3	h5	51					
12	Bg3	o-o	32	Bf5	Nf5	52					
13	Qd2	Be4	33	Rd3	h4	53					
14	Nex	Nex	34	Qe2	h3	54					
15	de	Qd7	35	h9	Re7	55					
16	f3	Bf5	36	Qf3	Rde8	56					
17	Rd1	Rd8	37	Rea1	f6	57					
18	Rd1	Be6	38	ef	gf	58					
19	f4	cb	39	Qd5	Ks7	59					
20	Rb2	Bf5	40	Ks2	Re2	60					
SIGNATURE (WHITE) Fangchenxi				SIGNATURE (BLACK) DingLin				SIGNATURE (ARBITER) Jiang Xu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.18

Group B14
Round 2

Board 1

WHITE 方晨希				FED				RESULT (W) 0			
BLACK 姜序				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Bf2	b6	41	Qb7	R8e7			
2	d4	d5	22	Be3	c5	42	Qa8	Ne3			
3	ed	ed	23	Bb5	Qe6	43	Ks1	Nd1			
4	Nf3	Nc6	24	Re1	d4	44					
5	Bd3	Nb4	25	Bf2	Rc8	45					
6	Be2	Bf5	26	Ba6	Rc7	46					
7	Na3	Nc6	27	Bf1	Qd5	47					
8	o-o	Bxa3	28	g3	Ne7	48					
9	ba	Nge7	29	c4	Qe6	49					
10	Rb1	Rb8	30	Bd3	Qg6	50					
11	Bf4	Nb6	31	Rb3	h5	51					
12	Bg3	o-o	32	Bxf5	Nxf5	52					
13	Qd2	Be4	33	Rd3	h4	53					
14	Nex	Nex	34	Qe2	h3	54					
15	de	Qd7	35	h9	Re7	55					
16	f3	Bf5	36	Qf3	Rde8	56					
17	Rfd1	Rfd8	37	Recl	f6	57					
18	Rb5	Be6	38	ef	gf	58					
19	f4	cb	39	Qd5	Ks7	59					
20	Rb2	Bf5	40	Ks2	Re2	60					
SIGNATURE (WHITE) 方晨希				SIGNATURE (BLACK) 姜序				SIGNATURE (ARBITER) Jiang Xu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group u14

Round 2

Board 2

WHITE <u>Brandon Fang</u>				FED				RESULT (W) <u>0</u>			
BLACK <u>Zhu harvey</u>				FED				RESULT (B) <u>1</u>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g6	21	Rf7	Bt6	41					
2	d4	Bg7	22	Qd2	Nxe6	42					
3	Nc3	d6	23	Nxe6	Qxe6	43					
4	f4	Nc6	24	Bxt6	gxf6	44					
5	Be3	Nf6	25			45					
6	Be2	O-O	26			46					
7	Nf3	Re8	27			47					
8	O-O	Bg4	28			48					
9	d5	Nb8	29			49					
10	e5	Nfd7	30			50					
11	e6	fxe6	31			51					
12	Ng5	Bxe2	32			52					
13	Nxe2	Nf8	33			53					
14	dxe6	Nc6	34			54					
15	f5	Ne5	35			55					
16	Ng3	C6	36			56					
17	Bd4	Qa5	37			57					
18	Kh1	Qd5	38			58					
19	fxf6	hxf6	39			59					
20	Ne5	Ng4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <u>R</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>[Signature]</u>				SIGNATURE (ARBITER) <u>Jiang X</u>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.7.26

Group u14 B

Round 2

Board 2

WHITE <u>Brandon Fang</u>				FED <u>HKG</u>				RESULT (W) <u>0</u>			
BLACK <u>Harvey Zhu</u>				FED <u>AUS</u>				RESULT (B) <u>1</u>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g6	21	Rf7	Bt6	41					
2	d4	Bg7	22	Qd2	Nxe6	42					
3	Nc3	d6	23	Nxe6	Qxe6	43					
4	f4	Nc6	24	Bxt6	gxf6	44					
5	Be3	Nf6	25			45					
6	Be2	O-O	26			46					
7	Nf3	Re8	27			47					
8	O-O	Bg4	28			48					
9	d5	Nb8	29			49					
10	e5	Nfd7	30			50					
11	e6	fxe6	31			51					
12	Ng5	Bxe2	32			52					
13	Nxe2	Nf8	33			53					
14	dxe6	Nc6	34			54					
15	f5	Ne5	35			55					
16	Ng3	C6	36			56					
17	Bd4	Qa5	37			57					
18	Kh1	Qd5	38			58					
19	fxf6	hxf6	39			59					
20	Ne5	Ng4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <u>[Signature]</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>[Signature]</u>				SIGNATURE (ARBITER) <u>Jiang X</u>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



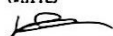
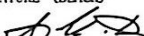
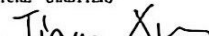
12:30

Group B-14

Round 2

Date 18.09.26

Board 3

WHITE Tran Hoang				FED VIE		RESULT (W) 0		
BLACK Kryakin Andrey				FED RUS		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	f2	h4	41	h6	g5
2	h3	h6	22	h2	h6	42	h3	g4
3	c6	a6	23	c4	h8	43	h1	g5
4	c4	h6	24	g3	h8	44	h1	h1
5	o-o	b5	25	h2	h2	45	h2	h6
6	c6	c6	26	h2	h4	46	h2	h1
7	h1	o-o	27	h4	h5	47	h2	h5
8	h4	h6	28	h2	h4	48		
9	a6	c6	29	h2	h6	49		
10	d3	d6	30	h1	c2	50		
11	h6	c6	31	h2	h4	51		
12	c3	c6	32	h2	h4	52		
13	h6	b4	33	h2	h4	53		
14	h4	b6	34	h2	h6	54		
15	b6	h4	35	h2	h4	55		
16	h2	h4	36	h2	h4	56		
17	h2	h4	37	h2	h4	57		
18	c3	c5	38	h4	h4	58		
19	h1	h6	39	c4	c4	59		
20	h4	h6	40	h2	h6	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
								

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



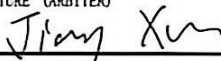
12:30

Group B-14

Round 2

Date 18/7

Board 3

WHITE Tran Hoang					FED VIE		RESULT (W) 0	
BLACK Kryakin Andrey					FED RUS		RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 f3 30	e5 f3 30	21	Qxd7 28	Nxd7 30	41	Nb2 21	g5 21
2	Nf3 f3 31	Nc6 f3 31	22	Nf4 28	Nb6 51	42	Nb3	g4
3	Bb5 f3 31	a6 f3 31	23	c4 22	Kf8 38	43	Ne1	Ng5 16
4	Ba4 f3 31	Nf6 f3 31	24	g3 21	Ke8 38	44	Nc1	Rb1
5	O-O f3 31	b5 f3 29	25	Ra7 28 19	Rxa7 36	45	Ra2	Ke6
6	Bb3 f3 2	Be7 f3 29	26	Rxa7 19	Nd7 36	46	Ra8	Rxc1
7	Re1 f3 2	O-O f3 30	27	h1 17	h5 36	47	Rxd5	Nf3
8	a4 f3 2	Rb8 f3 30	28	Ke2 17	Nd4 f3 34	48		
9	axb5 f3 24	axb5 f3 30	29	Kd1 15	Nc6 32	49		
10	d3 f3 24	d6 f3 30	30	Ra1 13	Bd8 29	50		
11	Nb2 f3 24	Be6 f3 28	31	Ra6 10	Nb4 27	51		
12	c3 f3 23	Bxb3 f3 15	32	Ra3 10	Nf8 26	52		
13	Qxb3 f3 22	b4 f3 15	33	Ne1 9	Ne6 26	53		
14	Qc4 f3 20	bxc3 f3 13	34	Ke2 6	Nc6 26	54		
15	bxc3 58	Qd7 f3 13	35	Ne5 34	Kd7 24	55		
16	Ra6 56	Nd8 f3 13	36	Rb3 33	Ra8 23	56		
17	Nf1 52	Ne6 f3 13	37	Nb1 3	Ra2 f3 23	57		
18	Be3 50	c5 f3 06	38	Kf1 3	Nd4 22	58		
19	Ra1 39	Rb7 f3 03	39	Bd4 2	cd 23	59		
20	Qa4 31	Rfb8 f3 02	40	Ra3 2	Rb2 22	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
								

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/7/2026

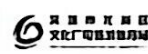
Group 114

Round 2

Board 4

WHITE				FED				Vie				RESULT (W)			
BLACK				FED				CHN				RESULT (B)			
Nguyen Tung Quan												1/2			
Li Yan												1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK				
1	e4	c6	21	f5	e7	41	2d1 d1	Qb6							
2	d4	d5	22	exf5	re7	42	nd2	Qc6							
3	nc3	de	23	d5	cd	43	Kh2	ne6							
4	nxex	nd7	24	1fxd5	ndes	44	2d7	Qf3							
5	nt3	ngf6	25	nd6	re1	45	nh3	Qc6							
6	nxg6	nxg6	26	Kh2	1ne2	46	1xa7	nc7							
7	c3	Bg4	27	nxex	1xg2	47	ng5	Qc5							
8	Be2	eb	28	Kxg2	Qc6	48	eb4	Qe3							
9	B3	Bh5	29	Kh2	nt8	49	1c2	Qe5							
10	O-O	Qc7	30	nd8	Qb6	50	1f2	Kg8							
11	Bg5	nd7	31	1d2	g6	51	1xf7	Qe3							
12	nd2	Bxe2	32	1sdb	Qe3	52	nh6	Kh8							
13	Qxe2	Bd6	33	1f6	Kg7	53	ng2	nd5							
14	ne4	O-O	34	1g4	Qe1	54	1f7	Kg8							
15	1ad1	Bh2	35	Kg2	Qe4	55	ng5	nt6							
16	Kh1	Bf4	36	Kh2	ne6	56	1a8	Kg7							
17	Bxf4	Qxf4	37	1f2	Qe1	57	1a7	Kg8							
18	g3	Qc7	38	Kg2	h5	58	Kh1	ng4							
19	f4	ne8	39	h4	nc5	59									
20	Qc2	1ad8	40	1c6	1f6	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Quan				李彦				Jimmy							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/7/26

Group 114

Round 2

Board 4

WHITE Nguyen Tung Quan				FED VTE				RESULT (W) 1/2			
BLACK 李彦				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c6	21	f5	e7	41	Rd1	Qe6			
2	d4	d5	22	Nt5	Re7	42	Rb2	Qc6			
3	Nc3	de	23	d5	cd	43	Kh2	1Ve6			
4	Ne4	Nd7	24	Rd5	Rde8	44	Rd7	Qf3			
5	Nt3	Ngf6	25	Nd6	Re1	45	1Vh3	Qc6			
6	Nt6	1Nt6	26	Kh2	1Re2	46	Rg7	Nc7			
7	c3	Bg4	27	Neg	Rg2	47	Ng5	Qc5			
8	Be2	e6	28	kg2	Qc6	48	b4	Qe3			
9	h3	Bh5	29	Kh2	1Nt8	49	Rc2	Qe5			
10	O-O	Qc7	30	Rd6	Qb6	50	Rf2	kg8			
11	Bg5	Nb67	31	Rb2	g6	51	Nf7	Qe3			
12	Nd2	Re2	32	R8d6	Qe3	52	Nh6	Kh8			
13	Qe2	Bd6	33	Nt6	kg7	53	Rg2	Nd5			
14	Ne4	O-O	34	Ng4	Qe1	54	Nt7	kg8			
15	Rd1	Bh2	35	kg2	Qe4	55	Ng5	Nt6			
16	Rh1	3f4	36	Kh2	Nel6	56	Ras	kg7			
17	Bf4	Qf4	37	Nt2	Qe1	57	Ra7	kg8			
18	g3	Qe7	38	kg2	N5	58	Kh1	Ng4			
19	H4	Rte8	39	h4	Nc5	59					
20	Bg2	Rd8	40	Rb64	b6	60					
SIGNATURE (WHITE) Quan				SIGNATURE (BLACK) 李彦				SIGNATURE (ARBITER) J. Yang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/26

Group B14

Round 2

Board 5

WHITE Wijekantha, Vinuka Dihan				FED SRI	RESULT (W)	1			
BLACK Shangjun Zhangchen				FED CHN	RESULT (B)	0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	Rbd1	Rb2	41	f5	Nb8	
2	Nf3	d6	22	Rac1	Nc6	42	Rab6	Rd7	
3	Bb5	Bd7	23	Rc2	Rc2	43	Nd4	Rc7	
4	Bd7	Rd7	24	Nc2	Res	44	Nb3	Rd7	
5	O4	g6	25	Kf2	Re7	45	Rd7	Nd7	
6	d4	cd	26	g4	Nes	46	Nc4	gf	
7	Nd4	Nf6	27	Rd5	f6	47	gf	Kg7	
8	Nc3	Bg7	28	Nb3	Nc6	48	Ke4	Kb6	
9	f3	a7	29	f4	Nd4	49	Kd5	Nb8	
10	O-O	Rc8	30	Rd2	Rc7	50	Ke6	Nd6	
11	b3	d5	31	Nc4	Rb7	51	b5	Nc5	
12	ed	Nf5	32	Kf3	Nd6	52	Kf6	Nd4	
13	Nd5	e6	33	Nb3	Nc5	53	Ke7	Nc5	
14	Bb6	ed	34	Rd6	Rd7	54	Nb3	Nb2	
15	Bg7	Kg7	35	Bh4	b6	55	f6	Nf4	
16	cd	Qd5	36	b4	Nc6	56	f7	Kh5	
17	Nb2	Qd1	37	Rab6	Nc7	57	Ke8	Nb6	
18	Rfd1	Rc2	38	a4	Re6	58	Nf5	Kg4	
19	Nd4	Rb2	39	Rd7	Rb7	59	Nb7	Kh4	
20	Rdb1	Rd2	40	Rd4	Nd6	60	Nb6		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
				Shangjun Zhangchen		Jing Xun			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/07/2026

Group u128

Round 02

Board 05

WHITE Vinuka Dihan Wijerathna				FED SRI	RESULT (W)	1			
BLACK Shangjun Zhangchen				FED CHN	RESULT (B)	0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	Rdb1(1.01)	Rd2	41	Rd4	Nd6(3.2)	
2	Nf3	d6	22	Rd1(1.01)	Rb6(1.10)	42	Pg2(3)	Nb8(2.2)	
3	Bb5+	Bd7	23	Rac1(1.00)	Nc6(1.12)	43	Rd6(2.1)	Rd7(2)	
4	Bd7	Qd7	24	Rc2(1.00)	Rc2	44	Nf4(2.0)	Rc7(2.2)	
5	c4	g6(1.31)	25	Nc2(1.00)	Re6(1.12)	45	Nb5(1.6)	Rd7(2.2)	
6	d4(1.22)	cd4	26	Kf2(1.01)	Re7	46	Rd1	Nd7(2.2)	
7	Nd4	Nf6	27	g4(6.9)	Nes(1.14)	47	Nf4(1.5)	gfs	
8	Nc3	Bg7	28	Rd5(0.9)	Pg6(1.13)	48	gfs	Kg7	
9	d3(1.27)	O-O(1.30)	29	Nb2(5.8)	Nc6(1.05)	49	Ke4	Kh6	
10	O-O(1.28)	Rc1(1.27)	30	f6(5.1)	Nb6(1.10)	50	Kd5	Nb8	
11	b3(1.28)	d5(1.22)	31	Rd2(5.1)	Rc2(1.00)	51	Kd6(9)	Nac	
12	eds(1.16)	Nf5(1.25)	32	Nc5(5.1)	Re7(5.8)	52	b5(8)	Nc5+	
13	Nd5	e6	33	Kf3(1.7)	Nc6(5.1)	53	Kf7	Nd4	
14	Bh6(1.16)	eds(1.24)	34	Nb3(4.2)	Nc6(4.3)	54	Kg7	Nc3	
15	Bg7	Kg7(1.24)	35	Rd4(4.1)	Kc7(4.6)	55	Nb3	Nd2	
16	Qd5(1.6)	f2f	36	h6(3.0)	bo(4.0)	56	Pg	Nf4	
17	Qd5(1.16)	Nc7(1.16)	37	b6(2.2)	Nc6(4.0)	57	Pg5	Kh5	
18	Qd1	Rd1	38	Rd6(2.2)	Nf7(3.5)	58	Ke8	Nb6	
19	Rb2	Rc2	39	g4(2.2)	Rb6(3.5)	59	Nf5	Kg4	
20	Nd6(1.01)	Rb2	40	Rd7(2.2)	Re7(3.5)	60	Nb7	Kh4	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
				Shangjun Zhangchen		Jing Xun			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.26

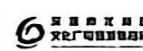
Group B14

Round 2

Board 6

WHITE Mahmoudi, Mohammad Pouria				FED IRI				RESULT (W) 1			
BLACK Lariyona, S.				FED RUS				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bxe4	Nxd4	41	g5	Kd5			
2	Nc3	d6	22	Kg2	Kf8	42	Rxf6	Kd4			
3	g3	Nc6	23	NQ1	f5	43	Rc6	b4			
4	Bg2	g6	24	exf	Bxf6	44	kg3	Re7			
5	d3	Bg7	25	Qd2	Kf7	45	g6	Re1			
6	Be3	Rb8	26	H3	Nxd3	46	Kf2	Re7			
7	Nge2	b5	27	Qxf3	Qd4	47	f5	Rg7			
8	a3	Nd4	28	Qg4	Rg8	48	Kd3				
9	O-O	c6	29	Rh1	Rg7	49					
10	Qd2	h5	30	Rh6	Qc3	50					
11	Rb1	h4	31	Bxg6	Ke7	51					
12	b4	Q6	32	Qe2	Qd4	52					
13	Q4	Bd7	33	Re1	Qd5	53					
14	Qxb	Qxb	34	Be4	Qd6	54					
15	f4	Nh6	35	Bf5	Qd5	55					
16	bxc	dxc	36	Ge4	Qxe4	56					
17	e5	hxg	37	Rxe4	Rb6	57					
18	hxg	Nh5	38	g4	Kf7	58					
19	Ne4	Bc6	39	Rxe6	Rxe6	59					
20	Bxd4	Bxe4	40	Bxe6	Kxe6	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 20.07.18

Group U14

Round 2

Board 6

WHITE M. Mohammad Pouria				FED 2144				RESULT (W) 1			
BLACK Lariyona, S.				FED 1884				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bxe4	Nxd4	41	g5	Kd5			
2	Nc3	d6	22	Kg2	Kf8	42	Rxf6	Kd4			
3	g3	Nc6	23	NQ1	f5	43	Rc6	b4			
4	Bg2	g6	24	exf	Bxf6	44	kg3	Re7			
5	d3	Bg7	25	Qd2	Kf7	45	g6	Re1			
6	Be3	Rb8	26	H3	Nxd3	46	Kf2	Re7			
7	Nge2	b5	27	Qxf3	Qd4	47	f5	Rg7			
8	a3	Nd4	28	Qg4	Rg8	48	Kd3				
9	O-O	c6	29	Rh1	Rg7	49					
10	Qd2	h5	30	Rh6	Qc3	50					
11	Rb1	h4	31	Bxg6	Ke7	51					
12	b4	Q6	32	Qe2	Qd4	52					
13	Q4	Bd7	33	Re1	Qd5	53					
14	Qxb	Qxb	34	Be4	Qd6	54					
15	f4	Nh6	35	Bf5	Qd5	55					
16	bxc	dxc	36	Ge4	Qxe4	56					
17	e5	hxg	37	Rxe4	Rb6	57					
18	hxg	Nh5	38	g4	Kf7	58					
19	Ne4	Bc6	39	Rxe6	Rxe6	59					
20	Bxd4	Bxe4	40	Bxe6	Kxe6	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
17/7/26

Group
B14
Round
2
Board
7

WHITE Hamraikuliyev, Osman			FED TKM			RESULT (W) 0		
BLACK Shuangke Bedee			FED IND			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nb3	Bc7	41	bxc5-Rac8	
2	Nf3	e6	22	Raod	f5	42	Ba7 Nne4	
3	c3	Nf6	23	h4	h6	43	Rd3 Rcl	
4	Bd7	d5	24	Nfd5	Qm7	44	Ne2 Ncs	
5	e5	Nd7	25	f4	Bb6	45	Rdh Ne4	
6	O-O	Nc6	26	Bf2	g5	46	Rc7 haxs	
7	Bb5	Qb6	27	03	Bd7	47	haxs- Rhl	
8	Bah	ch	28	Nd55	Raf2	48	Kh7 Kh7	
9	dh	Qxob	29	Bat2	Qd7	49	Ks2 Re7	
10	Qx03	Qas	30	lch2	Nd7	50	ch Ra2	
11	b3	Be7	31	Nd6	Rd8	51	Re1 gxf4	
12	Qe2	O-O	32	Qac7	Ra8	52	O-H Nhl	
13	Rp1	Rb8	33	Qc2	Ra3	53	lch1 Qh4	
14	Bb5	Qc7	34	Nxb7	Rc8	54	Nb3 Qd4	
15	Bf4	Nc5	35	Qb2	Ra7	55		
16	b4	Nd7	36	Nc5	lch8	56		
17	Bd3	Bd8	37	Rf2	Rac7	57		
18	Bd3	Re8	38	Nah	Nal	58		
19	a3	Nf8	39	Rd1	Qf7	59		
20	Nbd2	Qd7	40	Bb5	Rc5	60		

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



28th Asian Youth Chess Championship 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
16.07.26.

Group
B19

Round
2

Board
7

WHITE Hamrakulyev Dsmah

FED TKM

RESULT (W) 0

BLACK Badole Shaulhak

FED IND

RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Kb3	Cc7	41	cd7	Kd7
2	Kt3	c6	22	Ad1	f5	42	Ad3	Ke2
3	c3	Kt6	23	h4	h6	43	Ke5	Ad4
4	Cd3	d5	24	Ktd4	Qf7	44	Pe3	Uc7
5	e5	Kd7	25	fy	Qb6	45	hp	hp
6	O-O	Kc6	26	Cf2	g5	46	hch	Kp7
7	Lb5	Qb6	27	q3	Qd7	47	Kp2	Ad7
8	Ca4	ch	28	JKb5	Cf2	48	ch	Ad2
9	d4	cd	29	Qf2	Qp7	49	Je1	g4
10	Qd3	Qd5	30	KPh7	Kd6	50	pt	Kt4
11	b3	Ce7	31	Jed8	Ja8	51	Jph4	Ph5
12	Pe2	O-O	32	Qf2	Qa3	52	Kp3	Qp4
13	Je1	Jf8	33	Kb7	Qd7	53		
14	Cb5	Qc7	34	Qb2	Qa7	54		
15	Cf4	Kc5	35	KB7cs	KPh8	55		
16	g4	Kd7	36	Qf2	Uc7	56		
17	cd3	Ca4	37	Kd4	Kp6	57		
18	Cg3	Je8	38	Ja1	Qf7	58		
19	q3	Kt8	39	Cb5	Jc5	59		
20	Kbd2	Qd7	40	bc	Jc5	60		

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18

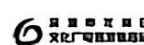
Group B14

Round 2

Board 8

WHITE Dauren Darmen				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Jiminguan				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rh1 27	Qc2 35	41	Nd3 3	a4 1			
2	1395	d5	22	Kc2 27	Rae8 31	42	b4 3	Ba6 1			
3	e3	c5	23	Bf4 15	Nf2 27	43	Nes 3	Ka6 1			
4	c3 79	Ne4 83	24	Ra1 14	Nd3 23	44	Rg1 2	Rg1 1			
5	h4 77	Bb6 79	25	Red 18	Re2 18	45	Vob 2	a3 1			
6	Qc1 76	Nc6 75	26	Rd3 8	Rf8 16	46	Nes 2	g5 1			
7	Nf3 74	f6 65	27	Rad 17	Nf4 11	47	h9 2	h9 1			
8	Bf4 73	cd 63	28	g4 8	Rd2 11	48	f9 2	Kc6			
9	ed 71	e5 63	29	Rd2 8	Re3 9	49	Ka4	Bc4			
10	Be3 71	ed 64	30	Nes 8	Bc8 10	50	Re1 3	Pa2			
11	Nd4 70	Bb5 64	31	Rd3 9	he2 9	51	Rg1	Bu4			
12	Bb5 60	Bd4 60	32	he2 9	re7 9	52	Ra3	Bb7			
13	Bc6 60	bc 60	33	Kcd3 9	Kf7 8	53	Rp3	Kd6			
14	cd 60	Ba6 61	34	Re2 9	Kc7 5	54	g6	Rh4			
15	Nf3 59	Nd6 60	35	Ke3 7	h6 4	55	g1	Rb8			
16	b3 54	ao 54	36	Kc3 7	as 3	56	hp7	Kc6			
17	Nd4 46	Qb5 47	37	Re5 7	g6 2	57	Nh4	1ab5			
18	Qc2 38	f5 35	38	Re1 6	Ra7 2	58	g8=Q	Rf8			
19	g3 32	Ne4 55	39	Re5 5	Kc1 2	59	h9 8	Bf1			
20	o-o 30	Qc2 33	40	Re1 5	Ra7 1	60	Kc4 5				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07

Group B14

Round 2

Board 8

WHITE Dauren Darmen 2138				FED KAZ				RESULT (W) 1			
BLACK Ji Mingxuan 1862				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rhe1	Qc2	41	Nd3	a4			
2	Bg5	d5	22	Kc2	Rae8	42	b4	Ba6			
3	e3	c5	23	Bf4	Nf2	43	Nes	Kf6			
4	c3	Ne4	24	Ra1	Nd3	44	Rg1	Rg1			
5	h4	a66	25	Rd1	Re2	45	Nc6	a3			
6	Qc1	Nc6	26	Rd2	Rf8	46	Nes	g3			
7	Nf3	f6	27	Rad1	Nf4	47	h9 8	h9 5			
8	Bf4	cd4	28	g4 4	Rd2	48	A-g3	Kc6			
9	e-d4	e5	29	R-d2	Re3	49	Kf4	Bc4			
10	Be3	e-d4	30	Nc5	Bc7	50	Re1	Ba2			
11	N-d4	Bc5	31	Rd3	Re2	51	Ra1	Bc4			
12	Bb3	B-d4	32	Rd2	Re7	52	Ra3	Rb7			
13	B-c6	b-c6	33	Kd3	Kf7	53	Re3	Kd6			
14	G-d4	Ba6	34	Re2	Rc7	54	g6	Rb4			
15	Nc3	b3 Nd6	35	Kc3	h6	55	g7	Rb8			
16	b3	O-O	36	Kf3	a3	56	Nf7	Kc6			
17	Nd4	Qb5	37	Re5	g6	57	Nh6	g8 K65			
18	Qc2	f5	38	Re1	Ra7	58	g8=Q	R-g8			
19	g3	Ne4	39	Re5	Rc7	59	N-g8	Bf1			
20	O-O-O (0:30)	Qe2 (0:30)	40	Re1 (0:07)	Ra7 (0:07)	60	Kc4 3				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

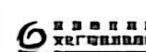


Date
26/07/18

Group
B14
Round
02
Board
09

WHITE Amila Nimsara				FED SRI				RESULT (V) 0			
BLACK Kakavand Ramtin				FED TRI				RESULT (U) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	NC2	BC5	41					
2	Nf3	Nf6	22	b4	Bxb4	42					
3	C4	dxc4	23	Nxb4	Bxc4	43					
4	eg3	e6	24	Bf3	Bg5	44					
5	Bxc4	c5	25	Bg7(14)	Rxc4	45					
6	O-O	a6	26	Rd4	Rd4	46					
7	dxcs	Bxc5	27	fxd4	Nb8	47					
8	Qxd6	Kxd8	28	d5	Rd7	48					
9	Rd1	ke7	29	Bc6	Nxc6	49					
10	b3	b5	30	Nxc6	Bxc6	50					
11	Bd2 (1.2)	Bb7 (1.2)	31	dxcs	Rd3	51					
12	o4 (1.2)	b4 (1.2)	32	Kf2	Kd6	52					
13	Nbd2	Nd5	33	ke2	Rd7	53					
14	Bb2	Nc3	34	ke1	Rxb2	54					
15	Bxc3 (1.0)	pxcs (1.2)	35	Rxc3	ke7	55					
16	Rac1	Bb4	36	Qd3	Rg6	56					
17	NC4 (1.0)	Nbd7	37	f5	pxfs	57					
18	Nd4 (58)	Rhe8	38	Rde3	kxf6	58					
19	o5 (45)	Bd5 (1.0)	39	Re7	Rb7	59					
20	f4 (24)	Rce	40			60					
SIGNATURE (WHITE) ay				SIGNATURE (BLACK) RAMTIN				SIGNATURE (ARBITER) CK			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
C14
Round
2
Board
9

WHITE TAKAMURA AMILA NIMSARACIR52				FED SRI				RESULT (V) 0			
BLACK RAMTINKAKAVANDC2087FMD				FED TRI				RESULT (U) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	NC2	BC5	41					
2	Nf3	Nf6	22	b4	Bxb4	42					
3	C4	dxc4	23	Nxb4	Bxc4	43					
4	g3	e6	24	Bf3	Bg5	44					
5	Bxc4	c5	25	Bg7	Rxc4	45					
6	O-O	a6	26	Rd4	Rd4	46					
7	dxcs	Bxc5	27	fxd4	Nb8	47					
8	Qxd6	Kxd8	28	d5	Rd7	48					
9	Rd1	ke7	29	Bc6	Nxc6	49					
10	b3	b5	30	Nxc6	Bxc6	50					
11	Bd2	Bb7	31	dxcs	Rd3	51					
12	o4	b4	32	Kf2	Kd6	52					
13	Nbd2	Nd5	33	ke2	Rd7	53					
14	Bb2	Nc3	34	ke1	Rxb2	54					
15	Bxc3	pxcs	35	Rxc3	ke7	55					
16	Rac1	Bb4	36	Qd3	Rg6	56					
17	NC4	Nbd7	37	f5	pxfs	57					
18	Nd4	Rhe8	38	Rde3	kxf6	58					
19	o5	Bd5	39	Re7	Rb7	59					
20	f4	Rce	40			60					
SIGNATURE (WHITE) ay				SIGNATURE (BLACK) RAMTIN				SIGNATURE (ARBITER) LTC			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.26

Group B14

Round 1

Board 10

WHITE Talgat Rayan				FED KAZ				RESULT (W) 0			
BLACK Zhao Liming				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bd4	Nb2	41					
2	Nf3	e6	22	Rec1	Kd4	42					
3	d4	cd	23	Nb5	ab	43					
4	Nd4	ab	24	Bb2	Nc2	44					
5	Kc3	Qc7	25	Cf6	g4	45					
6	g3	b5	26	Ag6	Ca3	46					
7	a3	Bb7	27	Rf7+	Kc8	47					
8	Bg2	Nf6	28	Nd4	Bc5	48					
9	O-O	d6	29	Nf4	Nc4	49					
10	h3	Nb2	30	Nh1	Nd4	50					
11	g4	h6	31	Ad4	Kd4	51					
12	Qe2	Nc8	32	Kf1	cd4	52					
13	Qc3	Nb6	33	Ad4	Kd6	53					
14	f4	d5	34	Kpc2	Na8	54					
15	e5	Kf2	35	Kpe3	Kc5	55					
16	f5	Qe5	36	Cf1	Ne8	56					
17	fe	fe	37	Kp23	Nf8	57					
18	Qf2	Qf6	38	Ca2	b4	58					
19	Qf6	Nf6	39	g5	Ca6	59					
20	Ne6	Kc4	40	Kpe3	Ne8+	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Zhao Liming							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.17

Group B14

Round 2

Board 10

WHITE Talgat Rayan				FED KAZ				RESULT (W) 0			
BLACK Zhao Liming				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bd4	Nb2	41					
2	Nf3	e6	22	Rd1	Kd7	42					
3	d4	cd	23	Nb5	ab	43					
4	Nd4	ab	24	Bb2	Rc2	44					
5	Nc3	Qc7	25	Bf6	g4	45					
6	g3	b5	26	Rf6	Ba3	46					
7	a3	Bb7	27	Rf7	Kc8	47					
8	Bg2	Nf6	28	Nd4	Bc5	48					
9	O-O	d6	29	Rf4	Rc4	49					
10	h3	Nb2	30	Rd1	Rd4	50					
11	g4	h6	31	Rfd4	Kd7	51					
12	Qe2	Rc8	32	Kf1	Bd4	52					
13	Be3	Nb6	33	Rd4	Kd6	53					
14	f4	d5	34	Ke2	Ra8	54					
15	e5	Nfd7	35	Ke3	Kc5	55					
16	f5	Qe5	36	Bf1	Re8	56					
17	fe	fe	37	Kd3	Rf8	57					
18	Qf2	Qf6	38	Be2	b4	58					
19	Qf6	Nf6	39	g5	Bab	59					
20	Ne6	Kc4	40	Ke3	Re8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Zhao Liming							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18.07.26

Group
B14
Round
2
Board
11

WHITE Lkhagva dorj, Tsamba				FED MGL		RESULT (W) 1		
BLACK Sukhanov Nikita				FED KAZ		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Kf6	21	Ke5	C:g2	41		
2	C4	e6	22	Kp:g2	Qc7	42		
3	g3	d5	23	Kg4	Cd8	43		
4	Cg2	Cd6	24	Cc3	h5	44		
5	Kf3	O-O	25	Ke3	Cd6	45		
6	O-O	KC6	26	d5	C:c3	46		
7	Kbd2	Q5	27	Q:c3	ed	47		
8	QC2	Q4	28	K:d5	Qc6	48		
9	e4	de	29	Qg3	1a:c8	49		
10	K:e4	Cc7	30	Q:h5	K:b3	50		
11	Ad1	K:e4	31	1a7	Qc6	51		
12	Q:e4	Cf6	32	1e1	Qg6	52		
13	h4	h6	33	1:e8	1:e8	53		
14	Cf4	Ka5	34	1e7		54		
15	QC2	Cd7	35			55		
16	b4	Q6	36			56		
17	a6	C5	37			57		
18	Cd6	1e8	38			58		
19	C:c5	b6	39			59		
20	Cb4	CC6	40			60		
SIGNATURE (WHITE) 			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7-18

Group
B14
Round
2
Board
11

WHITE Anas Bogopov				FED		RESULT (W)		1
BLACK Sukhanov				FED		RESULT (B)		0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nes	bp	41		
2	c4	e6	22	kg2	Qc7	42		
3	g3	d5	23	Ng4	Bd8	43		
4	Bg2	Bd6	24	h5	Bc3	44		
5	Nf3	O-O	25	Nf6	d5	45		
6	O-O	Nc6	26	Bc3	Qc3	46		
7	Nd2	O5	27	ed		47		
8	Qc2	a4	28	Nd5	Qd	48		
9	e4	de	29	at3	Rc9	49		
10	Nc4	Be7	30	Qh5	Nb3	50		
11	Rd1	Nc4	31	Ra7	Qd6	51		
12	Qe4	Bf6	32	Re1	Qg6	52		
13	h4	h6	33	Re6	Re6	53		
14	Bf4	Na5	34	Ne7		54		
15	Qc2	Bd7	35			55		
16	b4	ab	36			56		
17	ab	c5	37			57		
18	Qd6	Re3	38			58		
19	Bc5	b6	39			59		
20	Bb4	Nes	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Anas Bogopov			SIGNATURE (BLACK) Sukhanov			SIGNATURE (ARBITER) Arbiter		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/18

Group
U14
Round
2
Board
12

WHITE Wei Zhengden				FED CHN		RESULT (W) 1/2		
BLACK Lee Jiwoo				FED KOR		RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rx5	Nx5	41		
2	Nf3	nc6	22	af	Be6	42		
3	Bb5	ab	23	ab5	ab5	43		
4	Ba4	Nf6	24	Ra8	Ra8	44		
5	O-O	Be7	25	Nd2	Bd5	45		
6	Re1	b5	26	Nf1	Ra1	46		
7	Bb3	O-O	27	Nc3	Nxc3	47		
8	c3	d5	28	Kxe3	Be7	48		
9	exd5	Nxd5	29	Kf2	f5	49		
10	Nxe5	Nxe5	30			50		
11	Rxe5	c6	31			51		
12	d3	Bb6	32			52		
13	Re1	Qh4	33			53		
14	g3	Qh3	34			54		
15	Rc4	Nf6	35			55		
16	Rh4	Qf5	36			56		
17	Bc2	Ng4	37			57		
18	f3	Ne5	38			58		
19	d4	Nxf3	39			59		
20	Kf2	Nxh4	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Wei Zhengden			Lee					

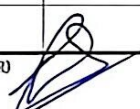
28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



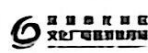
Date 2026.7.18

Group
U14
Round
1
Board
12

WHITE Wei Zhengden				FED		RESULT (W) 1/2		
BLACK Lee Jiwoo				FED		RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bf5	Nf5	41		
2	Nf3	Nb6	22	a4	Be6	42		
3	Bb5	a6	23	ap	ab	43		
4	Ba4	Nf6	24	Ra8	Ra8	44		
5	O-O	Be7	25	Nd2	Bd5	45		
6	Re1	b5	26	Nf1	Ra2	46		
7	Bb3	O-O	27	Ne3	Ne3	47		
8	c3	d5	28	Ke3	Be7	48		
9	ed	Nd5	29	Kf2	f5	49		
10	Nex	Nex	30			50		
11	Rex	c6	31			51		
12	d3	Bb6	32			52		
13	Re1	Qh4	33			53		
14	g3	Qh3	34			54		
15	Re4	Nf6	35			55		
16	Rh4	Qf5	36			56		
17	Bc2	Ng4	37			57		
18	f3	Nes	38			58		
19	d4	Nf3	39			59		
20	Kf2	Nh4	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Wei Zhengden			Lee					

28th Asian Youth Chess Championships 2026

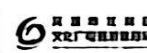
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
7.18Group
男子B组Round
13²Board
13

WHITE Xia, Jin nan				FED				RESULT (W) 1/2			
BLACK Gorchukov, Aleksandr				FED				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	f5	21	Qd4	Nd4	41					
2	Bg5	h6	22	Nf3	Nc6	42					
3	Bh4	a5	23	Bd3	Nc5	43					
4	Bg3	c5	24	BC2	f4	44					
5	e3	Bg7	25	rd1	rad8	45					
6	c3	Qb6	26	rfd2	Rd2	46					
7	Nd2	Nf6	27	Rd2	Re8	47					
8	Qc2	d5	28	a3	a5	48					
9	Nf3	O-O	29	Kf2	Re6	49					
10	Bd3	Ne4	30	Rd5	b6	50					
11	Be5	Nc6	31	Nd4	Na4	51					
12	Bg7	kg7	32	Rd4	Re7	52					
13	O-O	Bd7	33	b4	a6	53					
14	dc	Nc5	34	ab		54					
15	c4	e5	35			55					
16	Be2	d4	36			56					
17	Ne5	de	37			57					
18	nd7	ef	38			58					
19	Rf2	nd7	39			59					
20	Qc3	Qd4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Xia, Jin nan				SIGNATURE (BLACK) 				SIGNATURE (ARBITER) 			

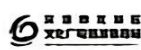
28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
11.07.Group
B14Round
2Board
13

WHITE Xia, Jinnan				FED CHN				RESULT (W) 1/2			
BLACK Gorchukov, Aleksandr				FED RUS				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	f5	21	Qxd4	Nxd4	41					
2	Bg5	h6	22	Nf3	Nc6	42					
3	Bh4	a5	23	Bd3	Nc5	43					
4	Bg3	c5	24	Bc2	f4 1/2?	44					
5	e3	Bg7	25	Rd1	Rad8	45					
6	c3	Qb6	26	Rfd2	Rxd2	46					
7	Nd2	Nf6	27	Rxd2	Re8	47					
8	Qc2	d5	28	a3	a5	48					
9	Nf3	O-O	29	Kf2	Re6	49					
10	Bd3	Ne4	30	Rd5	b6	50					
11	Be5	Nc6	31	Nd4	Na4	51					
12	Bg7	kg7	32	Rxd4	Re7	52					
13	O-O	Bd7	33	b4	a6	53					
14	dc	Nc5	34	axb4		54					
15	c4	e5	35			55					
16	Be2	d4	36			56					
17	Ne5	de	37			57					
18	nd7	ef	38			58					
19	Rf2	nd7	39			59					
20	Qc3	Qd4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Xia, Jinnan				SIGNATURE (BLACK) 				SIGNATURE (ARBITER) 			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

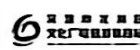
Group
B14

Round
2

Board
14

WHITE Jiang Weiyuan				FED				RESULT (W)
BLACK Nguyen Vu Bao Lam				FED				RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bb2	Qg5	41	Re1	ab
2	c4	c6	22	Bf1	Qh4	42	Rb1	b3
3	Nf3	Nf6	23	Qc3	Rf8	43	Rb2	Kd4
4	Nc3	e6	24	Be2	Kf7	44	h4	Kc3
5	e3	Be7	25	Bf3	Bg3	45	Rb1	Kc2
6	Qc2	O-O	26	h3	Be5	46	Rf1	b2
7	b3	b6	27	Qel	Qel	47	Rf2	Kc3
8	Be2	Bb7	28	Re1	Bb2	48	Rf1	e3
9	O-O	Nbd7	29	Bb7	Rc7	49	Bf3	Ko2
10	Bb2	Rc8	30	Rab1	Bc3	50	Be2	Rd2
11	Rfd1	Qc7	31	Roc1	Bd2	51	Bh5	
12	e4	de	32	Bf3	Bc1	52		
13	Ne4	c5	33	Rd1	Rd2	53		
14	Nf6	Nf6	34	a4	a5	54		
15	dc	Bc5	35	Kf2	f5	55		
16	Ng5	Bf2	36	Ro3	e5	56		
17	Kh1	h6	37	Ba8	e4	57		
18	Bf6	hg	38	Re3	Kf6	58		
19	Bg5	f6	39	Bd5	Ke5	59		
20	Bc1	Qe5	40	b4	Rd3	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
B14

Round
2

Board
14

WHITE Jiang Weiyuan				FED CHN				RESULT (W)
BLACK Nguyen Vu Bao Lam				FED VIE				RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 1:30	d5 1:30	21	Bb2 38	Qg5 56	41	Re1 20	ab 41
2	c4 1:31	c6 1:31	22	Bf1 37	Qh4 55	42	Rb1	b3
3	Nf3 1:31	Nf6 1:31	23	Qc3 32	Rf8 52	43	Rb2	Kd4
4	Nc3 1:32	e6 1:31	24	Be2 27	Kf7 48	44	h4	Kc3
5	e3 1:32	Be7 1:31	25	Bf3 26	Bg3 45	45	Rb1	Kc2
6	Qc2 1:32	O-O 1:31	26	h3 26	Be5 44	46	Rf1	b2
7	b3 1:31	b6 1:31	27	Qel 25	Qel 43	47	Rf2	Kc3
8	Be2 1:29	Bb7 1:31	28	Re1 24	Bb2 42	48	Rf1	e3
9	O-O 1:29	Nbd7 1:30	29	Bb7 24	Rc7 43	49	Bf3	Kc2
10	Bb2 1:28	Rc8 1:26	30	Rab1 24	Bc3	50	Be2	Rd2
11	Rfd1 1:28	Qc7 1:25	31	Roc1 23	Bd2 43	51	Bh5	
12	e4 2:122	de 1:22	32	Bf3 23	Bc1 Rd	52		
13	Ne4 1:22	c5 1:22	33	Rd1 23	Rd2 43	53		
14	Nf6 1:20	Nf6 1:21	34	Qd5 44	Qd5 43	54		
15	dc 1:17	Bc5 1:16	35	f5 43	f5 43	55		
16	Ng5 1:14	Bf2 1:13	36	Rc3 22	c5 43	56		
17	Kh1 56	h6 1:12	37	Ba8 22	e4 43	57		
18	Bf6 54	hg 1:02	38	Rc3 22	Rf6 44	58		
19	Bg5 42	f6 1:01	39	Bd5 22	Kc5 44	59		
20	Bc1 58	Qe5 57	40	b4 22	Rd3 41	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18.07.2026

Group
B14
Round
2
Board
15

WHITE Nguyen Le Nguyen				FED VIE				RESULT (W) 1	
BLACK Glushkov Dmitry E				FED RUS				RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	NK3	d5	21	f4	g6	41	Kg4	Qe5	
2	g3	NK6	22	H4	kg7	42	BK4	Ka7	
3	Bg2	c6	23	H5	RH8	43	Qe8	KH7	
4	O-O	BK5	24	Qg4	Nf8	44	Qh5	kg8	
5	B3	H6	25	RH1	Qd7	45	F4		
6	BB2	e6	26	NK3	Qe8	46			
7	d3	Be7	27	RH2	Bd8	47			
8	NBd2	O-O	28	RaH1	Nd7	48			
9	Re1	BH7	29	BC1	Qg8	49			
10	e4	a5	30	Hg	fg	50			
11	a3	Na6	31	RH6	RH6	51			
12	Qe2	Nc5	32	RH6	RH6	52			
13	e5	Nfd7	33	f5	g5	53			
14	d4	Ne4	34	f6	Nf6	54			
15	c4	a4	35	Bg5	KH7	55			
16	B4	Qb6	36	ef	Qg6	56			
17	c5	Qc7	37	QH3	kg8	57			
18	Ne4	Be4	38	Qe6	KH8	58			
19	Nd2	Bg1	39	Nc5	Qe4	59			
20	kg2	B5	40	LH3	QH1	60			
SIGNATURE (WHITE) Nguyen			SIGNATURE (BLACK) Glushkov			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18.07.2026

Group
B14
Round
2
Board
15

WHITE Nguyen Le Nguyen				FED VIE		RESULT (W) 1		
BLACK Glushkov, Dmitry E				FED RUS		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3 1:30	d5 1:30	21	f4 54	g6 45	41	kg4 7	Qe4 20
2	g3 1:36	Nf6 1:31	22	h4 39	kg7 41	42	Bf4 4	Ra7 20
3	Bg2 1:31	c6 1:31	23	h5 39	Rh8 39	43	Qe8 4	Kh7 18
4	O-O 1:31	Bf5 1:31	24	Qg4 36	Nf8 46	44	Qh5 4	kg8 18
5	b3 1:23	h6 1:32	25	Rh1 35	Qd7 36	45	f7 5	
6	Bb2 1:29	e6 1:32	26	Nf3 35	Qe8 35	46		
7	d3 1:30	Be7 1:32	27	Rh2 35	Bd8 35	47		
8	Nb2 1:25	O-O 1:32	28	Ra1 32	Nd7 34	48		
9	Re1 1:23	Bh7 1:32	29	Bc1 31	Qg8 32	49		
10	e4 1:28	a5 1:30	30	hg 26	fg 32	50		
11	a3 1:27	Na6 1:26	31	Rh6 24	Rh6 27	51		
12	Qe2 1:14	Nc5 1:21	32	Rh6 24	Kh6 27	52		
13	e5 1:11	Nfd7 1:20	33	f5 21	g5 27	53		
14	d4 1:09	Ne4 1:18	34	f6 21	Nf6 26	54		
15	c4 1:09	a4 1:13	35	Bg5 19	Kh7 25	55		
16	b4 1:01	Qb6 1:03	36	ef 14	Qg6 25	56		
17	c5 57	Qc7 55	37	Qh3 14	kg8 24	57		
18	Ne4 56	Be4 55	38	Qe6 14	Kh8 23	58		
19	Nd2 56	Bg1 48	39	Ne5 6	Qe4 23	59		
20	kg2 56	b5 46	40	Kh3 7	Qh1 21	60		
SIGNATURE (WHITE) Nguyen			SIGNATURE (BLACK) Glushkov			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Date	7.18
Board	16

WHITE				BLACK				
Liu Kaining				Zhou Weifan				
FED				FED				
RESULT (W)				RESULT (B)				
1/2				1/2				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Rd1	Rd8	41	Qc2	b5
2	d4	e6	22	Rd8	Qd8	42	h4	g4
3	c4	d5	23	Nf3	Qb6	43	h4	h4
4	Nc3	h6	24	rd1	rd6	44	Nf4	Qf4
5	e3	Bg7	25	Rf5	Rf8	45	Qc5	g6
6	Bd3	dc	26	Qd1	g6	46	Kg1	Qh4
7	Bc4	c5	27	Bd1	Bd6	47	Qc7	Kf8
8	00	00	28	Bd1	Nd8	48	Qd8	Kg7
9	dc	Bc5	29	04	04	49	Qe7	Rf7
10	L3	nc6	30	Bf7	Qf	50	Qc5	Qh2
11	Bb2	Qd7	31	Nb2	g5	51	Kf1	Qh1
12	Qd2	nb	32	Bd5	nd7	52	Qg1	Qh1
13	Bd5	pa7	33	nc3	nc6	53	Qc5	Qd2
14	Re1	c5	34	Nb2	Nb1	54	Qc2	Qh4
15	Nd3	Bg4	35	Qc3	Qd6	55	Kd1	Bh6
16	f3	Bc6	36	Bc2	Bc5	56	Qc5	Bg6
17	Kh1	Rac8	37	h3	g6	57	Qc5	ba
18	Rd1	Rd8	38	h3	Kd7	58	ba	as
19	Nd4	Ne8	39	Nd3	nd3	59	Ke2	Kh6
20	Bd1	Rd1	40	Bd3	L5	60	Qc3	Kg1
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Liu Kaining				Zhou Weifan				
				SIGNATURE (JUDGER)				
				Liu				

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Date	7.19
Board	16

WHITE				FED CHN				RESULT (W)	
Liu Kaining								1/2	
BLACK				FED CHN				RESULT (B)	
Zhou Weifan								1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	Nf3	Nf6	21	Rd1	Rd8	41	Qc2	h5	
2	d4	e6	22	Rd8	Qd8	42	h4	g4	
3	c4	d5	23	Nf3	Qb6	43	h9	h9	
4	Nc3	h6	24	Nf1	Nf6	44	Nf4	Qf4	
5	e3	Be1	25	Bf5	Bd5	45	Qc5	g3	
6	Bd3	dc	26	Qe1	g6	46	Kg1	Qh4	
7	Bc4	c5	27	Bd1	De6	47	Qc7	h4g8	
8	0-0	0-0	28	Bc1	Nd5	48	Qd8	Kg7	
9	dc	Bc5	29	04	Nf4	49	Qe7	Bf7	
10	b3	Nc6	30	Bf4	ef	50	Qc5	Qh2	
11	Bb2	Qd7	31	Nd2	g5	51	Kf1	Qh1	
12	Qe2	ab	32	Bd3	Nd4	52	Kg1	Qh6	
13	Bd3	Bd1	33	Nec8	Nc6	53	Qc5	Qd2	
14	Roc1	e5	34	Ne2	Ne5	54	Qc2	Qh4	
15	Nd2	Bg4	35	Qc3	Qd6	55	Re1	Bh6	
16	f3	Be6	36	Bc2	Bc5	56	Bh5	Bg6	
17	Kh1	Rac8	37	h3	f6	57	Qc5	Bg6	
18	Rd1	Rd8	38	Nb2	Kf7	58	a4	h9	
19	Nd4	Ne8	39	Nd3	Nd3	59	Qd	a5	
20	Bb1	Rd1	40	Bd3	b5	60	Kd2	Kh6	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WINNER)	
Liu Kaining				Zhou Weifan					

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Date	7.18
Board	16

WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)		10			
BLACK		WHITE		FED		RESULT (B)		6 1/2			
1		21		41		1/2					
2		22		42							
3		23		43							
4		24		44							
5		25		45							
6		26		46							
7		27		47							
8		28		48							
9		29		49							
10		30		50							
11		31		51							
12		32		52							
13		33		53							
14		34		54							
15		35		55							
16		36		56							
17		37		57							
18		38		58							
19		39		59							
20		40		60							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (JUDGES)			
Liu Kaining				Zhou Weifan							

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Date	7.18
Board	16

WHITE				FED				CHN		RESULT (W)		1/2		
BLACK				FED				CHN		RESULT (B)		1/2		
Liu Kaining Zhou Weifan														
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Qc3	kg5	21			41								
2			22			42								
3			23			43								
4			24			44								
5			25			45								
6			26			46								
7			27			47								
8			28			48								
9			29			49								
10			30			50								
11			31			51								
12			32			52								
13			33			53								
14			34			54								
15			35			55								
16			36			56								
17			37			57								
18			38			58								
19			39			59								
20			40			60								
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)						
Liu Kaining				Zhou Weifan										

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/07/26

Group U14
Round 2
Board 17

WHITE Mai Duc Kien				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Mukanov, Iskender				FED KGZ				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d5	21	Rte1	Nd6	41	Bf2	5	g5	11	
2	Nf3	e6	22	c4	b5	42	Bh4	6	g4	11	
3	d4	cd	23	ab	cb	43	b6	6	Nd4	12	
4	Nd4	Nc6	24	Bb4	Nc4	44	Bd5	1			
5	Nc3	Nf6	25	Re8	Re8	45					
6	Nd5	Bb4	26	Re8	Qc8	46					
7	a3	Bc3	27	b3	Ne3	47					
8	Nc3	d5	28	Bc5	Qd7	48					
9	cd	ed	29	h3	Nf5	49					
10	Bd3	0-0	30	b4	Nd5	50					
11	0-0	d4	31	Qc4	Nd6	51					
12	Ne2	Bg4	32	Qa8	Kh7	52					
13	fs	Bh5	33	Qc4	Nh4	53					
14	Nf4	Bg6	34	Qd4	Qd7	54					
15	Nf6	h5	35	Bd4	Ne2	55					
16	f4	Ne7	36	Bb5	Nf4	56					
17	Qf3	Qd7	37	Bc3	Nd5	57					
18	Bd2	Nf5	38	Bb5	fs	58					
19	Rac1	Rf8	39	Bc6	Nf4	59					
20	Re5	a6	40	b5	Ne6	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.26

Group U14
Round 2
Board 17

WHITE Mai Duc Kien				FED Vietnam				RESULT (W) 1			
BLACK Mukanov, Iskender				FED Kyrgyzstan				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rfe1	Nd6	41	Bf2	5	g5	11	
2	Nf3	e6	22	c4	b5	42	Bh4	6	g4	11	
3	d4	exd4	23	axb5	axb5	43	b6	6	Nd4	12	
4	Nxd4	Nc6	24	Bb4	Nc4	44	Bd5	1			
5	Nc3	Nf6	25	Rxe8	Rxe8	45					
6	Nd5	b6	26	Rxe8	Qxe8	46					
7	a3	bxc3	27	b3	Nf3	47					
8	Nxc3	ds	28	Bc5	Qd7	48					
9	exd5	exd5	29	A3	Nf5	49					
10	Bd3	0-0	30	b4	Nf5	50					
11	0-0	d4	31	Qd4	Nf3	51					
12	Ne2	b6	32	Qd8	Kh7	52					
13	f3	Bh5	33	Qd4	Nh4	53					
14	Nf4	Bg6	34	Qd4	Qd7	54					
15	Nf6	h5	35	Bd4	Ne2	55					
16	f4	Ne7	36	Bb5	Nf4	56					
17	Qf3	Qd7	37	Bc3	Nd5	57					
18	Bd2	Nf5	38	Bb5	fs	58					
19	Rac1	Rf8	39	Bc6	Nf4	59					
20	Re5	a6	40	b5	Ne6	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group D14		Round 2						
Date 7.18		Board 18						
FED CHN		RESULT (W) 0						
FED VIE		RESULT (B) 1						
WHITE Le Anh Tu	BLACK Le Anh Tu	WHITE Le Anh Tu	BLACK Le Anh Tu					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rb1	a4	41	Rb3	Kh2
2	Nf3	g6	22	Bf1	ab	42	Nc4	Bg2
3	d4	Bg7	23	ab	Qxd2	43	Nxg3	Rg6
4	d4	cd	24	Bxd2	Nc5	44	Ne2	Kxg6
5	Nxh4	Nc6	25	b4	Nd7	45	Nxh4	Bf1
6	Be3	Nf6	26	Rbc1	Ra3	46	...	Rb1
7	Nc3	ab	27	Kh2	Be5	47	Kg1	Rb8
8	Be2	0-0	28	Kh1	b6	48	Nf5	cd
9	0-0	Bd7	29	Be1	Rca7	49	db	Ke6
10	Rc1	Nxh4	30	Bf2	R3d4	50	d7	f2
11	Bxh4	Bcb	31	Rb1	Kg1	51	Kd1	Nxg7
12	f3	a5	32	Ra1	Rxa1	52	Bh3	Ke5
13	Qd2	nd1	33	Rxa1	g3	53	Nxh4	Rxb5
14	Be3	b3	34	Rb1	f4	54	Rxe7	Kxf4
15	ab	Nd5	35	Bb2	b5	55	Ke2	Rb2
16	Bxd5	ed	36	Kd1	Kg2	56	Kf1	Kg2
17	Qd4	Rdd1	37	B3	Kg2	57	C3	Re2
18	Rd8	h4	38	Rc5	Rc2	58	kb5	Ne7
19	N5	Bg5	39	Bxj2	Rxf2	59	Kf5	Ke4
20	Rc7	Rc2	40	Nc5	Ra2	60	Kb2	Kf7
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group U14		Round 2						
Date 11/7		Board 18						
FED CHN		RESULT (W) 0						
FED VIE		RESULT (B) 1						
WHITE LV, Ruichen	BLACK Le Anh Tu	WHITE LV, Ruichen	BLACK Le Anh Tu					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	U4	c5	21	Rb1	04.	41	Ra2.	Rb3
2	Nf3.	g6	22	Bf4.	ab.	42	Ku2.	Nu4.
3	d4	Tg7	23	ab.	Qd2.	43	Bg7.	Ng8
4	U4	cd	24	Bd2.	Nc5.	44	Ku4.	Nu2
5	Nu4	Nu6	25	b4.	nd7.	45	Rb6	Nu4.
6	Nc3	db	26	Xd.	Ra3.	46	Bf1.	Rb1
7	Td2.	0-0	27	Ku2.	Ker	47	Kg1.	Nd5.
8	0-0.	Td7	28	Ku4	b6	48	Rhr.	Nu4.
9	Xu4.	Nu4	29	Bu1	Kd7.	49	Kf2.	fy.
10	bdu4	bc6	30	Bte h2.	Rau	50	Rb7.	fb2.
11	fs	Qd2	31	fb1.	fs	51	Ru4.	fs.
12	Nd7	Bu3	32	Kg1.	Ku1	52	C5.	AL
13	Nc5	b1	33	Rd1	Ku1	53	db.	Ku1
14	Hb1	ac	34	g3.	Rb1	54	da.	fb2
15	Nd5.	Bd5.	35	fy.	bh2.	55	Kd1	Nd7.
16	Ku1.	Qb4	36	b5.	fy	56	Ku2.	Bh3
17	Rd1	Rc6.	37	Kg2.	Bab.	57	Ku5.	Kd7
18	Ku4	h5.	38	Ku1.	Rc5.	58	Ku5.	Kd7
19	Bg5	Rc7.	39	Rc1	h2.	59	Ku4.	Ku2
20	Rc2	Nab	40	Kf2.	Nc5	60	fb2.	Ku1
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group U14		Round 2						
Date 7.18		Board 18						
FED CHN		RESULT (W) 0						
FED VIE		RESULT (B) 1						
WHITE Le Anh Tu	BLACK Le Anh Tu	WHITE Le Anh Tu	BLACK Le Anh Tu					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	kg2	c3	21			41		
2	Rf3	Kf5	22			42		
3	Rc2	c2	23			43		
4	Kp2	Kg3	24			44		
5	Kg4	Kg5	25			45		
6	Rc2		26			46		
7			27			47		
8			28			48		
9			29			49		
10			30			50		
11			31			51		
12			32			52		
13			33			53		
14			34			54		
15			35			55		
16			36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group U14		Round 2						
Date 11/7		Board 18						
FED CHN		RESULT (W) 0						
FED VIE		RESULT (B) 1						
WHITE LV, Ruichen	BLACK Le Anh Tu	WHITE LV, Ruichen	BLACK Le Anh Tu					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Bf4	c3	21	Bf4	c3	41		
2	Rd7	Kf5.	22			42		
3	Rc7.	c1	23			43		
4	fs	Pb3	24			44		
5	Kt2	ku5	25			45		
6	Kg6	fh4	26			46		
7	Rc2		27			47		
8			28			48		
9			29			49		
10			30			50		
11			31			51		
12			32			52		
13			33			53		
14			34			54		
15			35			55		
16			36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.07.18

Group B14
Round 2

Board 19

WHITE				FED		CHN		RESULT (W)	
BLACK				FED		CHN		RESULT (B)	
Wang, Zekai								1/2	
Gao, Ben								1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21			41			
2	Nf3	d6	22			42			
3	Bb5	Nd7	23			43			
4	d4	cd	24			44			
5	Qd4	a6	25			45			
6	Be2	e5	26			46			
7	Qe3	Nf6	27			47			
8	Qc	b5	28			48			
9	a4	Nc5	29			49			
10	cb	Nc6	30			50			
11	ba	Be7	31			51			
12	Rd1	Bb7	32			52			
13	Nbd2	Nf2	33			53			
14	Qf2	Ng4	34			54			
15	Qg3	Qb6	35			55			
16	Qf1	Nes	36			56			
17	Ke1	Nc2	37			57			
18	KA		38			58			
19			39			59			
20			40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Wang, Zekai			Gao, Ben						

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.18

Group
Round 2

Board 19

2020. 1. 18 1/2

WHITE	Wang, Zekai	FED	CHN	RESULT (W)	1/2
BLACK	Gao, Ben	FED	CHN	RESULT (B)	1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21			41		
2	Nf3	d6	22			42		
3	Bb5	Nd7	23			43		
4	d4	cd4	24			44		
5	Qd4	a6	25			45		
6	Be2	e5	26			46		
7	Qe3	Nf6	27			47		
8	O-O	b5	28			48		
9	d4	Nc5	29			49		
10	cb5	Nc6	30			50		
11	ba6	Be7	31			51		
12	Rd1	Rd7	32			52		
13	Nb6	Nf2	33			53		
14	Qf2	Ng4	34			54		
15	Qg3	Qb6	35			55		
16	Kf1	Ne3	36			56		
17	Ke1	Nc2	37			57		
18	Kf1		38			58		
19			39			59		
20			40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Wang, Zekai	Gao, Ben	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group U 14 B
Round 02
Date 2026/07/18 Board 20

WHITE		Fan Jiaqi		FED CHN		RESULT (P)	
BLACK		Nonayakkara Sanuk		FED SRI		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	c5 (s5)	21			41	
2	Nf3	NC6 (s6)	22			42	
3	d4	Cxd4 (s6)	23			43	
4	Nxd4	q6 (s6)	24			44	
5	Be3	Bg7 (s5)	25			45	
6	NC3	Nf6 (s4)	26			46	
7	BC4	O-O (s4)	27			47	
8	Bb3	d6 (s5)	28			48	
9	f3	Bd7 (s1)	29			49	
10	Qd2	Nxd4 (s8)	30			50	
11	Bxd4	b5 (s6)	31			51	
12	Ne2	a5 (s5)	32			52	
13	c3	BC6 (s1)	33			53	
14	Rd1	e5 (s5)	34			54	
15	Be3	Q4 (s5)	35			55	
16	Bd5	Nxd5 (s4)	36			56	
17	exd5	Bd7 (s3)	37			57	
18	gh6	Qh4+ (s3)	38			58	
19			39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B14
Round 2
Date 2026-7-18 Board 20

WHITE		Nanayakkara Sanuk		FED		RESULT (P)	
BLACK		Nanayakkara Sanuk		FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	c5	21			41	
2	Nf3	NC6	22			42	
3	d4	cd	23			43	
4	Nd4	gb	24			44	
5	Be3	Bd7	25			45	
6	NC3	Nf6	26			46	
7	Bf4	o-o	27			47	
8	Bb3	db	28			48	
9	f3	Bd7	29			49	
10	Qd2	Nd4	30			50	
11	Bd4	b5	31			51	
12	Ne2	a5	32			52	
13	c3	Bd6	33			53	
14	Rd1	es	34			54	
15	Be3	ag	35			55	
16	Bd5	Nf6	36			56	
17	ed	Bd7	37			57	
18	Bb6	g4	38			58	
19			39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B 41
Round 2
Board 21



Date

WHITE		I Sakov, Amin		FED	KGZ	RESULT (W)
BLACK		Trihn Hoang Lam		FED	VIE	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c6	21	Qd4	g8	41
2	Nc3	g5	22	Re5	g5	42
3	Nf3	de	23	g3	g4	43
4	Nc4	g6	24	Rde	g6	44
5	Qe2	g4	25	Rh5	g6	45
6	Qe4	g4	26	Re3	g6	46
7	Bc4	g4	27	c3	g6	47
8	Ne5	g6	28	Rh4	g6	48
9	Qe2	g6	29	Kc2	g6	49
10	Bd3	g6	30	g4	g6	50
11	a4	g6	31	Rd1	g6	51
12	b3	g6	32	Rh2	g6	52
13	Bb2	g6	33	bc	g6	53
14	O-O	g6	34	Rd3	g6	54
15	h2	g6	35			55
16	Nd7	g6	36			56
17	Qg4	g6	37			57
18	Qg7	g6	38			58
19	Rhe	g6	39			59
20	Qe5	g6	40			60
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B 41
Round 2
Board 21



Date

WHITE		I Sakov, Amin		FED	KGZ	RESULT (W)
BLACK		Trihn Hoang Lam		FED	VIE	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c6	21	Qd4	g8	41
2	Nc3	g5	22	Re5	g5	42
3	Nf3	de	23	g3	g4	43
4	Nc4	g6	24	Rde	g6	44
5	Qe2	g4	25	Rh5	g6	45
6	Qe4	g4	26	Re3	g6	46
7	Bc4	g4	27	c3	g6	47
8	Ne5	g6	28	Rh4	g6	48
9	Qe2	g6	29	Kc2	g6	49
10	Bd3	g6	30	g4	g6	50
11	a4	g6	31	Rd1	g6	51
12	b3	g6	32	Rh2	g6	52
13	Bb2	g6	33	bc	g6	53
14	O-O	g6	34	Rd3	g6	54
15	h2	g6	35			55
16	Nd7	g6	36			56
17	Qg4	g6	37			57
18	Qg7	g6	38			58
19	Rhe	g6	39			59
20	Qe5	g6	40			60
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		

WHITE		Zhou Hang		FED		china		RESULT (W)	
BLACK		Berdashkevich Manar		FED		Russia		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	b5	h6	41			
2	f4	Nc6	22	Kf2	gks	42			
3	Nc3	e6	23	Rh1	c4	43			
4	Bb5	Ne7	24	Qd1	Qd7	44			
5	Nf3	a6	25	Kf2	Kc8	45			
6	Bc6	Nc6	26	h4 Ng1	Kj8	46			
7	d3	Be7	27	NC3	Nh4	47			
8	o-o	ds	28	Qj4	cd	48			
9	Ne5	Nd4	29	cd	Kc2	49			
10	b3	o-o	30	Ke8	Qcb	50			
11	Bb2	f6	31	Nf3	Bcf8	51			
12	Nf3	Nf3	32	Qg3	Rf8	52			
13	Qf3	b4	33	Qj4	Qb6	53			
14	Ne2	kes	34	b4	Rb2	54			
15	f5	Bg7	35	Q3	Kc2	55			
16	Nj3	Be8	36	Rac1	Re1	56			
17	Bc1	Bf7	37	Bc1	Gc1	57			
18	Qg4	kh8	38	Qb3	Qc2	58			
19	Bd2	Rg8	39			59			
20	h4	gQe8	40			60			
SIGNATURE (WHITE)		Zhou Hang		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		nen	

WHITE		Zhou Hang		FED		china		RESULT (W)	
BLACK		Berdashkevich Manar		FED		Russia		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	b5	h6	41			
2	f4	Nc6	22	Kf2	b5	42			
3	Nc3	e6	23	Rh1	c4	43			
4	Bb5	Ne7	24	Qd1	Qd7	44			
5	Nf3	a6	25	Ne2	Rg8	45			
6	Bxc6	Nxc6	26	Ng7	Ng8	46			
7	d3	Be7	27	Mf3	Ke8	47			
8	o-o	d5	28	Mh4	Ke8	48			
9	Ne5	Nd4	29	Qg4	cd	49			
10	b3	o-o	30	cd	Re2	50			
11	Bb2	f6	31	Ke7	Qb6	51			
12	Mf3	Mf3	32	Mf5	Ba8	52			
13	Qf3	d4	33	Qg3	Ra8	53			
14	Ne2	e5	34	Qg4	Qb6	54			
15	f5	Bd7	35	b4	Rb2	55			
16	Ng3	Be8	36	a3	Rc2	56			
17	Bc1	Bf7	37	Ne2	Qc7	57			
18	Qg4	kh8	38	Rh1	Re7	58			
19	Bd2	Rg8	39	Rd1	Qc7	59			
20	h4	Qe8	40	Qg3	Qc7	60			
SIGNATURE (WHITE)		Zhou Hang		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		nen	

28th Asian Youth Chess Championships 2026		Group B44		Round 2		Date 7-18		Board 23	
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛		B44		2		7-18		23	
WHITE		FED		RESULT (W)		Date		Board	
Abdusattay, Azizsher				1					
BLACK		FED		RESULT (B)		Date		Board	
Xu Lqizhen				0					
1	c6	8	WHITE	21	g6	41	g6	21	g6
2	d4	5	WHITE	22	xd7	42	xd7	22	xd7
3	Nb2	4	WHITE	23	b+6	43	ka8	23	ka8
4	Ne4	3	WHITE	24	Be7	44	Be7	24	Be7
5	Bd3	2	WHITE	25	Ke7	45	g3	25	Ke7
6	Ng5	1	WHITE	26	Bc8	46	+4	26	Bc8
7	Nf3		WHITE	27	Rf7	47	ah5	27	Rf7
8	ae2		WHITE	28	Rf6	48	de8	28	Rf6
9	Ne4		WHITE	29	Qd7	49	ah8	29	Qd7
10	Qe4		WHITE	30	Rf7	50	3d1	30	Rf7
11	Qe2		WHITE	31	Qc1	51	bc7	31	Qc1
12	Bd2		WHITE	32	Qh6	52	Rd7	32	Qh6
13	0-0-0		WHITE	33	Rd7	53	Qd7	33	Rd7
14	Rhe1		WHITE	34	Gy18	54	kb8	34	Gy18
15	Nd1		WHITE	35	Kb7	55	Qe5	35	Kb7
16	kl1		WHITE	36	Kc1	56	Q5	36	Kc1
17	bc3		WHITE	37	h4	57	Qf7	37	h4
18	Bc2		WHITE	38	h5	58	Q58	38	h5
19	Nc5		WHITE	39	h6	59	Q13	39	h6
20	ode5		WHITE	40	Q57	60		40	Q57
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)					

28th Asian Youth Chess Championships 2026		Group B44		Round 2		Date 7-18		Board 23	
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛		B44		2		7-18		23	
WHITE		FED		RESULT (W)		Date		Board	
Adisattay, Azizsher				1					
BLACK		FED		RESULT (B)		Date		Board	
Xu Kaiwen				0					
1	c6	8	WHITE	21	ef	41	ff	21	ef
2	d4	5	WHITE	22	dd7	42	hde6	22	dd7
3	Kd1	4	WHITE	23	ce	43	h4	23	ce
4	Ke4	3	WHITE	24	ce2	44	ue7	24	ce2
5	cd1	2	WHITE	25	g3	45	cc8	25	g3
6	Kg5	1	WHITE	26	fe6	46	fy	26	fe6
7	Ka7		WHITE	27	cd6	47	qk5	27	cd6
8	qel		WHITE	28	h6	48	qel8	28	h6
9	Ke4		WHITE	29	qk4	49	ld7	29	qk4
10	qel4		WHITE	30	ld7	50	qcd	30	ld7
11	qel2		WHITE	31	qk6	51	dd7	31	qk6
12	od1		WHITE	32	dd7	52	qod8	32	dd7
13	0-0-0		WHITE	33	qk5	53	qk5	33	qk5
14	Nd1		WHITE	34	qel8	54	h68	34	qel8
15	Kd7		WHITE	35	Kc1	55	Q5	35	Kc1
16	Kd7		WHITE	36	h4	56	qel2	36	h4
17	ce3		WHITE	37	h5	57	qod8	37	h5
18	ce2		WHITE	38	h6	58	qod8	38	h6
19	Ke5		WHITE	39	ce5	59	qod8	39	ce5
20	de		WHITE	40	pe	60		40	pe
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)					

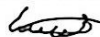
28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.2026

Group B14
Round 2
Board 24

WHITE <i>Obidov Bilibidin</i>				FED UZB		RESULT (W) 1		
BLACK <i>Armanmuhamedov Eric</i>				FED TKM		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	h3	h4g6	41	f3	h4d2
2	d4	d5	22	h4 d2	h4c4	42	h2d1	h4c4
3	e4	c4	23	g3	h5	43	h4g4	h4d2
4	Pd3	h4c4	24	h4g2	h4e2	44	d2	h4f5
5	c3	h4f6	25	h4g5	h4f5	45	h4f4c6	h4f5
6	Pf4	Pg4	26	f6	h4e2	46	g4	h4f5
7	Rb3	Pc8	27	Rh5	Pg5	47	Rd2	h4g2
8	h4d2	e6	28	Rh: g5	h4a5	48	h4: e2	Rh: e2
9	h4f3	Pd2	29	Rc4	h4b5	49	h4a3	Rh: e2
10	0-0	0-0	30	R4	h4f8	50	R4	Rh: e4
11	Rc4	Pf5	31	h4f5	h4h7	51	Rd8	Rh: e1
12	Rc4	Pg6	32	Rf5	Rc2	52		
13	Rc2	h4h5	33	Rd8	Rd3	53		
14	Pd3	Pd6	34	Rd3 h4d3	h4d6	54		
15	h4f1	h4f4	35	Rb2	h4e3	55		
16	P: g4	h4: g4	36	h4f6	h4f6	56		
17	h4g3	Rc2	37	g5	Pes	57		
18	h4g5	Rf8	38	Rb7	a4	58		
19	Pd2	h4f8	39	R4	Rd2	59		
20	h4f1	R6	40	h4a4	h4e4	60		
SIGNATURE (WHITE) 				SIGNATURE (BLACK) 		SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18

Group B14
Round 2
Board 24

WHITE <i>Obidov B</i>				FED <i>UZB</i>				RESULT (W) <i>1</i>			
BLACK <i>Armanmuhamedov E</i>				FED <i>UZB</i>				RESULT (B) <i>0</i>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	<i>d4</i>	<i>c6</i>	21	<i>h6</i>	<i>h4</i>	41	<i>Pd4</i>	<i>h4</i>			
2	<i>d4</i>	<i>d5</i>	22	<i>h4</i>	<i>g6</i>	42	<i>b3</i>	<i>h4</i>			
3	<i>e4</i>	<i>c4</i>	23	<i>g3</i>	<i>h5</i>	43	<i>Pd4</i>	<i>h4</i>			
4	<i>Cd3</i>	<i>h4</i>	24	<i>h4</i>	<i>h4</i>	44	<i>h4</i>	<i>b4</i>			
5	<i>c3</i>	<i>h4</i>	25	<i>h4</i>	<i>h4</i>	45	<i>d4</i>	<i>h4</i>			
6	<i>Cb4</i>	<i>Cb4</i>	26	<i>Pd4</i>	<i>Cb4</i>	46	<i>h4</i>	<i>b4</i>			
7	<i>Pb3</i>	<i>Pc3</i>	27	<i>Pd4</i>	<i>Cb4</i>	47	<i>g4</i>	<i>h4</i>			
8	<i>h4</i>	<i>e6</i>	28	<i>Pg5</i>	<i>Pd4</i>	48	<i>Pd4</i>	<i>h4</i>			
9	<i>h4</i>	<i>Cb4</i>	29	<i>Bd4</i>	<i>b5</i>	49	<i>h4</i>	<i>Pd4</i>			
10	<i>0-0</i>	<i>0-0</i>	30	<i>h4</i>	<i>h4</i>	50	<i>h4</i>	<i>Pd4</i>			
11	<i>h4</i>	<i>Cb4</i>	31	<i>h4</i>	<i>h4</i>	51	<i>Cb4</i>	<i>Pd4</i>			
12	<i>Cb4</i>	<i>Cb4</i>	32	<i>Pd4</i>	<i>h4</i>	52	<i>Pd4</i>	<i>h4</i>			
13	<i>Pc2</i>	<i>h4</i>	33	<i>Pd4</i>	<i>Pd4</i>	53	<i>Cb4</i>	<i>h4</i>			
14	<i>Cb4</i>	<i>Cb4</i>	34	<i>Pd4</i>	<i>h4</i>	54					
15	<i>h4</i>	<i>h4</i>	35	<i>Cb4</i>	<i>h4</i>	55					
16	<i>Cb4</i>	<i>h4</i>	36	<i>h4</i>	<i>h4</i>	56					
17	<i>h4</i>	<i>Pd4</i>	37	<i>h4</i>	<i>h4</i>	57					
18	<i>Pd4</i>	<i>Pd4</i>	38	<i>Cb4</i>	<i>h4</i>	58					
19	<i>Cb4</i>	<i>h4</i>	39	<i>h4</i>	<i>h4</i>	59					
20	<i>h4</i>	<i>h4</i>	40	<i>Pd4</i>	<i>h4</i>	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>(Signature)</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>(Signature)</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>(Signature)</i>			

5-12

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

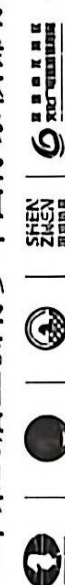
WHITE		FED		RESULT (W)
BLACK		FED		RESULT (B)

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qd7	Ne3
2	c4	e6	22	Qd7	g3
3	Nc3	Bb4	23	Bb5	Ree
4	e3	O-O	24	Bxc6	Rxc6
5	Bd3	c5	25	Nce2	Rc2
6	Bd2	cxh4	26	Rb1	b5
7	exd4	d5	27	f3	g5
8	cxh5	exd5	28	Nc1	Nd7
9	Ngc2	Nb6	29	Nd3	R2c4
10	O-O	Gd6	30	Rbc1	Kg6
11	h3	h6	31	b3	Rxc1
12	Re3	Be6	32	Rxc1	Rc1
13	Qd2	Rd8	33	Nxc1	Nb8
14	Ng3	B11	34	g2	f5
15	Rc1	Rc8	35	Nge2	f1
16	Qd1	Qd7	36	b3	Nc6
17	Bf1	Ne7	37	a3	g4
18	Bb5	Nc6	38	Nb3	Qd3
19	Bd1	Bd1	39	Nc3	N1d5
20	Bf1	Bxh5	40	Bxa1	Ke7

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
सिद्धार्थ सोनिया	सिद्धार्थ सोनिया	सिद्धार्थ सोनिया

12-14

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

WHITE		FED		RESULT (W)
BLACK		FED		RESULT (B)

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nd6	21	Qd7	Qc7
2	c4	e6	22	Qxc7	Rxc7
3	Nc3	Bb4	23	Bb4	Ree8
4	e3	O-O	24	Bxc6	Rxc6
5	Bd3	f5	25	Ne2	Rc2
6	Bd2	cd	26	Rb1	9:15
7	e4	d5	27	f3	g5
8	cd	oe	28	Nc1	Nd7
9	Nge2	Nc6	29	Nd3	Rc4
10	O-O	Bd6	30	Rb1	Kf8
11	h3	h6	31	b3	f11
12	Be3	Sd4	32	Rxc1	Rxc1
13	Qd2	Re8	33	Nxc1	Nb8
14	Ng3	Bd8	34	Kf2	g5
15	Rac1	Rc8	35	g4	b4
16	Rd1	Qd7	36	Nc6	a3
17	Bf1	Nd7	37	Bd8	Nb3
18	Bb5	Nc6	38	Bd3	Nag 5:20
19	Bd1	Bd6	39	manu	g5
20	Bd4	Bd4	40	Nd4	Nd4

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
सिद्धार्थ सोनिया	सिद्धार्थ सोनिया	सिद्धार्थ सोनिया

12-14

Group B-14
Round 2
Board 22

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛										SHEN ZHEN 深圳棋院		2026年7月18日		Date		Round		Group	
White		Black		FED		RESULT (W)		RESULT (B)		0		1		2		3		4	
Daisabekov Maksat		Slayshov Nikita		2053 Kaz		2070 Rus		0		1		2		3		4		5	
#		#		#		#		#		#		#		#		#		#	
WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	e4	1	e5	21	Qc3	21	Bd2	41	Nc7	41	Nc5	41	Nc5	41	Nc5	41	Nc5	41	Nc5
2	Nf3	2	Nc6	22	Ra1	22	f3	42	Nd5	42	Nc4	42	Nc4	42	Nc4	42	Nc4	42	Nc4
3	Bb5	3	Nf1	23	Rc8	23	Qc0	43	Res	43	dc	43	dc	43	dc	43	dc	43	dc
4	d3	4	d1	24	e2	24	Nf4	44	Re4	44	Re4	44	Re4	44	Re4	44	Re4	44	Re4
5	c3	5	Q1	25	Nc4	25	Qc2	45	Re5	45	Re5	45	Re5	45	Re5	45	Re5	45	Re5
6	Ba4	6	h4	26	Qd2	26	Qc2	46	h4	46	h4	46	h4	46	h4	46	h4	46	h4
7	0-0	7	0-0	27	Nc3	27	Qd2	47	g5	47	g5	47	g5	47	g5	47	g5	47	g5
8	Nbd2	8	b3	28	Nd2	28	h4	48	h4	48	h4	48	h4	48	h4	48	h4	48	h4
9	Bb3	9	Nas	29	Ne4	29	h4	49	g4	49	g4	49	g4	49	g4	49	g4	49	g4
10	Re2	10	c3	30	h4	30	Nd1	50	f1	50	f1	50	f1	50	f1	50	f1	50	f1
11	Re4	11	Re4	31	Re4	31	Nc1	51	Nf5	51	Nf5	51	Nf5	51	Nf5	51	Nf5	51	Nf5
12	Nf1	12	Nc6	32	Q3	32	Re2	52	Q2	52	Q2	52	Q2	52	Q2	52	Q2	52	Q2
13	d4	13	c1	33	Re5	33	Nd5	53	Q2	53	Q2	53	Q2	53	Q2	53	Q2	53	Q2
14	c1	14	Bg4	34	Q4	34	Nc7	54	Q2	54	Q2	54	Q2	54	Q2	54	Q2	54	Q2
15	d4	15	Re3	35	Nc7	35	Re3	55	Q2	55	Q2	55	Q2	55	Q2	55	Q2	55	Q2
16	Nc7	16	Qc7	36	Re3	36	h1	56	Q2	56	Q2	56	Q2	56	Q2	56	Q2	56	Q2
17	Re4	17	Qc7	37	Re1	37	Re4	57	Q2	57	Q2	57	Q2	57	Q2	57	Q2	57	Q2
18	Re4	18	Nf2	38	f4	38	Re4	58	Q2	58	Q2	58	Q2	58	Q2	58	Q2	58	Q2
19	Re4	19	f3	39	Re4	39	Re4	59	Q2	59	Q2	59	Q2	59	Q2	59	Q2	59	Q2
20	Re4	20	Qc7	40	Re3	40	Re4	60	Q2	60	Q2	60	Q2	60	Q2	60	Q2	60	Q2
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)															

28th Asian Youth Chess Championships 2026										2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛										SHEN ZHEN				Date 18/7/26				Board 27		Group U4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
WHITE					AUSOF Chaudhury (2009)					FED BAN					RESULT (W)					WHITE					BLACK					YEL Bg1-Fu (1660)					FED TPE					RESULT (B)					1/2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
1	e4	c5	21	Re2	Bxe4	11	B44	R48	2	Nf3	Nc6	22	e6	Bxh6	Rxh6	12	Rd8	Rxh6	12	Bx4	R48	11	B44	R48	2	Nf3	Nc6	22	Rxe4	e6	12	Bxh6	Rxh6	12	Rg5	Rc6	13	Rd5	Rg6	14	Rf4	Rg6	15	Rx5	Rgt	16	Rf3	Rgt	17	R47 1/2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
2	Nf3	Nc6	22	Nc6	Rxe4	12	e6	Bxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Rd8	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12	Bxh6	Rxh6	12

28th Asian Youth Chess Championships 2026										2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛										SHEN ZHEN										Date 18/7/26										Board 27										Group B-14										Round																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
WHITE										AUSOF Chaudhury										FED BAN										RESULT (W)										Board 27										Group B-14										Round																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
BLACK										Yeh Bong-Fu										FED TPE										RESULT (B)										Board 27										Group B-14										Round																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE

6-10

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B14
Round 2
Board 28



Date

WHITE		Jin Ziyang		FED HKG		RESULT (W)	
BLACK		Starikov, Vadim		FED RUS		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	C4 1:30	E5 1:30	21	Qc6 45	Nf4 8	41	
2	Nc3 1:31	Nf6 1:30	22	Qc2 43	Nj2 5	42	
3	g3 1:31	d5 1:27	23	Rc7 36	Qh5 4	43	
4	ca 1:32	Nd5 1:30	24	Ng2 35	f4 4	44	
5	Bj2 1:32	Nb6 1:30	25	Qc6 31	Rc8 2	45	
6	Nf3 1:32	Nc6 1:30	26	Qb6 27	Rc7 2	46	
7	0-0 1:33	Be7 1:30	27	Rc7 27	e4 1	47	
8	d3 1:33	0-0 1:26	28	de 23	Bk3 1	48	
9	Q3 1:33	Be6 1:27	29	Kh1 21	Bj4 1	49	
10	Be3 1:31	Rc8 1:11	30	Qf6 20	Bf3 1	50	
11	Rc1 1:31	f5 1:00	31	K31 21	Qj4	51	
12	Re1 1:29	Qd7 48	32	Qf7	Kh8	52	
13	b4 1:20	Bf6 40	33	Qh7#		53	
14	Nq4 1:09	Nh4 34	34			54	
15	Qa4 1:09	a5 32	35			55	
16	b5 1:07	Ne7 32	36			56	
17	Bj5 1:02	Nd5 30	37			57	
18	Bf6 1:00	Jf 29	38			58	
19	Rc5 56	Bf7 17	39			59	
20	Rc1 53	b6 12	40			60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Oscar		Zhang		Nen			

1-10

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B14
Round 2
Board 28



Date

WHITE		Jin		FED HKG		RESULT (W)	
BLACK		Starikov		FED RUS		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	e5	21	Ac6	Kf4	41	
2	Kc3	Kf6	22	Qc2	Kg2	42	
3	g3	d5	23	Ac4	Qh5	43	
4	cd	Kd5	24	KPg2	F4	44	
5	Cg2	Kb6	25	Qc6	Ac8	45	
6	Kf3	Kc6	26	Qb6	Ac4	46	
7	0-0	ce4	27	Ac4	e4	47	
8	d3	0-0	28	de	ch3	48	
9	A3	ce6	29	KPh1	Cg4	49	
10	ce3	Ne8	30	Qf6	cp3	50	
11	Ac1	F5	31	Kpg1	Qg4	51	
12	Ac1	Qd7	32	Qf4	Up18	52	
13	B4	cf6	33			53	
14	KA4	KA4	34			54	
15	Q44	A5	35			55	
16	B5	Ke7	36			56	
17	Cg5	Kd5	37			57	
18	cf6	gf	38			58	
19	Ac5	Qf4	39			59	
20	Ac1	B6	40			60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Oscar		Jin		Nen			

123

123

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B14
Round 2
Board 29

WHITE	Zhang Shengfao	FED	CHN	RESULT (W)	RESULT (D)
BLACK	Liu Richard Jingjie	FED	NZL		

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nd3	b6	21	Nd4	Rd4
2	g3	Bb7	22	Rbd1	Rd1
3	Bb2 Bg2	e6	23	Rd1	Rc3
4	O-O	g6	24	Ra1	Rb3
5	d4	Bb7	25	h4	Bc6
6	c4	Ne7	26	Rc1	Bb5
7	Nc3	d5	27	Rg1	e5
8	cd	Nd5	28	Bd1 Bb1	Bb6
9	Bd2	O-O	29	Bb2	Bb7
10	Re1	Nb6	30	f3	Bb5
11	a3	G5-	31	Kh2	Bb3
12	Nd5	Bb1 Bb1	32	g4	Bb1
13	a4	Bb7	33	Bb1	f5
14	Bc3	Rc8	34	e4	g4
15	Qd2	cd	35	g5	f4
16	Bd4	Bb4	36	Bc4	Rb4
17	Qd4	Nd5	37	Kh3	
18	b4	Mb3	38		
19	Qd8	Rb8 Rb8	39		
20	Rb1	Nd4	40		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B14
Round 2
Board 29

WHITE	Zhang Shengfao	FED	CHN	RESULT (W)	RESULT (D)
BLACK	Liu Richard Jingjie	FED	NZL		

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	u4s	bb	21	Nd4	Rd4
2	js	Bb7	22	Rbd1	Rd1
3	Bg2	e6	23	Rd1	Rc3
4	O-O	g6	24	Ra1	Rb3
5	d4	Bb7	25	h4	Bc6
6	c4	Ne7	26	Rc1	Bb5
7	Nc3	d5	27	Rg1	e5
8	cd	Nd5	28	Bb1	Bb6
9	Bd2	O-O	29	Bb2	Bb7
10	Re1	Nb6	30	f3	Bb5
11	a3	G5-	31	Kh2	Bb3
12	Nd5	Bb1	32	g4	Bb1
13	a4	Bb7	33	Bb1	f5
14	Bc3	Rc8	34	e4	g4
15	Qd2	cd	35	g5	f4
16	Bd4	Bb4	36	Bc4	Rb4
17	Qd4	Nd5	37	Kh3	Bb3
18	b4	Mb3	38		
19	Qd8	Rb8 Rb8	39		
20	Rb1	Nd4	40		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	U19
Round	2
Board	31
Date	7.12.26
Result (v)	0

WHITE		BLACK		FED		FED		THA		RESULT (v)	
He Ziyang		Sridanupath. Gavan		CHN		THA		1		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rxc8	Qxg	41					
2	Nf3	e6	22	Nxg5	Rxg5	42					
3	c4	Bb4+	23	Qf3	Qc2	43					
4	Bd2	a5	24	Bf4	Rg6	44					
5	Nc3	O-O	25	Qxd6	Nf8	45					
6	e3	b6	26	Ba1	Qxb3	46					
7	pd3	Bb7	27	Qc6	b5	47					
8	a-o	d6	28	Qc3	Qd5	48					
9	Q3	Bxc3	29	g3	Q4	49					
10	Bxc3	Ne4	30	Qb4	h5	50					
11	Rc1	f5	31	Rb1	Qa2	51					
12	b3	Nd7	32	Qb2	Qd5	52					
13	Ba1	Rf6	33	Qxb5	Qd2	53					
14	c5	Bd5	34	Bc3	h4	54					
15	Cxb6	Cxb6	35	kg2	Qc2	55					
16	Bc4	h6	36	Be1	Qe4	56					
17	Bb2	Rg6	37	kg1	hg	57					
18	Bb5	Ng5	38	hg	h6	58					
19	Bc6	Bxc6	39			59					
20	Rxc6	Rd	40			60					
SIGNATURE (WHITE) He Ziyang		SIGNATURE (BLACK) Gavan		SIGNATURE (ARBITER) W							

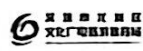
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	U19
Round	2
Board	31
Date	14.12.26
Result (v)	0

WHITE		BLACK		FED		FED		THA		RESULT (v)	
He Ziyang		Gavan Sridanupath		CHN		THA		1		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd8	gxf8	41					
2	Nf3	e6	22	Nf5	g5	42					
3	c4	Bb4	23	Qf3	Qd2	43					
4	Bd2	a5	24	Qf4	Qd2	44					
5	Nc3	O-O	25	Qd4	Nf8	45					
6	e3	b6	26	Bd1	Qb3	46					
7	pd3	Bb7	27	Qd4	Qd5	47					
8	a-o	d6	28	Qd4	Qd5	48					
9	Q3	Bxc3	29	g3	Q4	49					
10	Bxc3	Ne4	30	Qb4	h5	50					
11	Rc1	f5	31	Rb1	Qa2	51					
12	b3	Nd7	32	Qb2	Qd5	52					
13	Ba1	Rf6	33	Qxb5	Qd2	53					
14	c5	Bd5	34	Bc3	h4	54					
15	Cxb6	Cxb6	35	kg2	Qc2	55					
16	Bc4	h6	36	Be1	Qe4	56					
17	Bb2	Rg6	37	kg1	hg	57					
18	Bb5	Ng5	38	hg	h6	58					
19	Bc6	Bxc6	39			59					
20	Rxc6	Rd	40			60					
SIGNATURE (WHITE) He Ziyang		SIGNATURE (BLACK) Gavan		SIGNATURE (ARBITER) W							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
17.07.26.

Group
B14
Round
2
Board
32

WHITE Zharas Aldiyar					FED kaz		RESULT (W) 1	
BLACK Wuzhangxuan					FED CHN		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bg5	Nfd7	41		
2	c4	e6	22	Nd5	Kh8	42		
3	g3	e5	23	Nc7	Rg8	43		
4	d5	exd5	24	Qd5	Bf8	44		
5	Cxd5	d6	25	Rfd1	f6	45		
6	Nc3	g6	26	Be3	Qxd5	46		
7	Bg2	Bg7	27	Rxd5	Nb6	47		
8	Nf3	O-O	28	Rxc5	Bxb6	48		
9	O-O	a6	29	Re2	Bxc7	49		
10	a4	Bg4	30	Rxc7	Nd5	50		
11	Nd2	Re8	31	Ra7	Rf8 Ra7	51		
12	h3	Bc8	32	Rc1	Kg8	52		
13	Nc4	b6	33	Rc5	Rd8	53		
14	e4	Qc7	34	a5	Nb4	54		
15	e5	dxe5	35	Rcc7	N4c6	55		
16	d6	Qa7	36	Rg7+	u1e	56		
17	Bxa8	Qxa7	37	Rxh7+	u9g	57		
18	Nxb6	Qc6	38	Rag7+	u1e	58		
19	Nxc8	Qxc7	39	Bh6	f3	59		
20	Kh2	Qc6	40	Rh8#		60		
SIGNATURE (WHITE) Zharas			SIGNATURE (BLACK) Wuzhangxuan			SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7.18

Group
B14
Round
2
Board
32

WHITE						FED		RESULT (W)	
Zharas Aldiyar								1	
BLACK						FED		RESULT (B)	
Wu Zhuoxuan								0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	Nd5	Kb8 Kh8	41			
2	c4	e6	22	Ae7 Nc7	Rh9 8	42			
3	Bg3	c5	23	Bf8 Qd5 Rfd1	88	43			
4	d5	ed	24	f1 Rfd1	Be3 f6	44			
5	cd	ed	25	Be3	Qxd5	45			
6	Nc3	g6	26	Rxd5	Nb6	46			
7	Bg2	Bg7	27	Rxc5	Bxd6	47			
8	Nf3	O-O	28	Rc2	Bxc7	48			
9	O-O	h6 ab	29	Ae5 Rxd7	Ra7 Nd5	49			
10	a4	Bg4	30	Rf8 Ra7	Rf8	50			
11	Nd2	Re8	31	Rc1	Kg8	51			
12	h3	Bc8	32	Rc5	Rd8	52			
13	b6	Qc7	33	a5	Ah4 N4c6	53			
14	e5	de	34	Rcc7 Rcc7	Ah4 c6	54			
15	d6	Qa7	35	Rg7 Rg7	Kh8	55			
16	Bxa8	Qxa8	36	Rh7	Kg8	56			
17	Nxb6	Qc6	37	Rag7	Kf8	57			
18	Nxc8	Qxa8	38	Ba6	f5	58			
19	Kh2	Qc6	39	Rh8		59			
20	Bg5	Nfd7	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Zharas			Wu Zhuoxuan			M			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

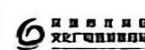


Date 18.07.26

Group D14
Round 2
Board 33

WHITE CCO, Sing Yang				FED CHN		RESULT (W) 0		
BLACK Verzhonichy Yermur				FED KAZ		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Pe1	Qe7	41	Qd5	Pd7
2	d4	d5	22	Re1	Ng5	42	Qe5	Ne5
3	Nc3	de	23	F3	Pe5	43	Qe3	Qd5
4	Ne4	Nf5	24	Qf2	Qc7	44	Ne1	Pd1
5	Nf5	e7	25	Qd1	Qc9	45	Qe5	Qd3
6	c3	Bd6	26	Pe5	Fe	46	Qe7	Nf5
7	Bd3	O:O	27	Qd2	e5	47		
8	Qc2	Pe8	28	B3	Qd5	48		
9	Ne2	h5	29	de	Fe	49		
10	O:O	h4	30	Nb4	Nf9	50		
11	L3	Nd4	31	Pd1	d4	51		
12	Be3	Nf8	32	c4	Qd7	52		
13	Pf1	Bc7	33	Nd3	Ng5	53		
14	Bb4	Be5	34	Qd5	Af7	54		
15	Bf4	Qd5	35	Pe1	Qf5	55		
16	cd5	cd	36	Qd9	Qe7	56		
17	Bc7	Qc7	37	Pe2	Nf8	57		
18	Nc1	Pe4	38	Qe9	Nd7	58		
19	Nd3	B5	39	F5	Nf8	59		
20	Qd2	Pe8	40	Fe	Qd5	60		
SIGNATURE (WHITE) B. B. B.			SIGNATURE (BLACK) [Signature]			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
Round
Board

WHITE <i>[Signature]</i>				FED		RESULT (W) <i>0</i>		
BLACK				FED		RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Re1	Qe7	41	Qd4	Ne6
2	d4	d5	22	Kf1	Nb6	42	Qd3	Qd6
3	Nc3	de	23	c3	Reb	43	Ne1	Rd1
4	Nc5	Nb6	24	Qd2	Qc7	44	Qe4	Qd3
5	Nb6	e5	25	Kg1	Qd4	45	Qd5	Nf5
6	c3	Kd6	26	Reb	fe	46		
7	Bd3	O-O	27	Qd2	e5	47		
8	Qd2	Re8	28	b3	Qb5	48		
9	Ne2	h5	29	de	fe	49		
10	O-O	h4	30	Nf4	Re1 Nf4	50		
11	h3	Nd7	31	Nf4 Nf1	Qd7	51		
12	Re3	Nf8	32	Qc4	Qd7	52		
13	Rd1	Re7	33	Nd3	Nb6	53		
14	Re4	Re6	34	Qd6	Qd4	54		
15	Bb4	Bd5	35	Re1	Re7	55		
16	Bd5	cd	36	Re2	Nf5	56		
17	Qd7	Qc7	37	Qd5	Nf7	57		
18	Nc1	Re4	38	f4	Nf8	58		
19	Nd3	b6	39	fe	Qd4	59		
20	Qd2	Re8	40	Qd4	Rd7	60		
SIGNATURE (WHITE) <i>[Signature]</i>			SIGNATURE (BLACK) <i>[Signature]</i>			SIGNATURE (ARBITER) <i>[Signature]</i>		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Board	34

Date 18.01.2026

WHITE				FED		RESULT (P)		
Elenos Beibarys				KAZ		1		
BLACK				FED		RESULT (B)		
Yunusbekkyr Ibrayev				TKM		0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	e6	21			41		
2	c4	e6	22			42		
3	f3	d5	23			43		
4	g3	c07	24			44		
5	cg2	0-0	25			45		
6	q12	Lbd7	26			46		
7	0-0	ue8	27			47		
8	ud1	c5	28			48		
9	f13	b6	29			49		
10	dc	e15	30			50		
11	fg5	cb7	31			51		
12	cd	ed	32			52		
13	fd5	q18	33			53		
14	f16	c16	34			54		
15	q17	q18	35			55		
16	q15	cg5	36			56		
17	q18	h17	37			57		
18	cg5		38			58		
19			39			59		
20			40			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
①				①		W1		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Board	34

Date 18.01.2026

WHITE				FED		RESULT (P)		
Elenes Beibarys				Kaz		1		
BLACK				FED		RESULT (B)		
Yunusbekkyr Ibrayev				TKM		0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	h16	21			41		
2	c4	g6	22			42		
3	h13	ol5	23			43		
4	g3	ce7	24			44		
5	g2	0-0	25			45		
6	q12	h16	26			46		
7	0-0	ue8	27			47		
8	h11	ce5	28			48		
9	cc3	b6	29			49		
10	de	h15	30			50		
11	h15	cb7	31			51		
12	col	de2	32			52		
13	h16	h15	33			53		
14	h16	h15	34			54		
15	h16	h15	35			55		
16	h15	h15	36			56		
17	h15	h15	37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
①				①		W1		

12:07

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B/14
Round	2
Date	2026.
Board	35

WHITE		Xie Yuyang		FED	CHW	RESULT (W)	1	
BLACK		Zhangjia Chen		FED	CHN	RESULT (B)	0	
#	MITE	BLACK	#	WHITE	N	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Ne5 K91	Qc1	41	K91	Qc1
2	C4	g6	22	Rac8	Bc6	42	Kh2	Qf4
3	NC3	B97	23	Nb7	Qa3	43	Kh1	Qc1
4	e4	d6	24	Rc7	Qb6	44	N91	N93
5	f3	O-O	25	Nd8	O	45	Kh2	Nf5
6	Be3	e5	26	O-O	Nf7	46	N43	Qe1
7	d5	c6	27	Be8	Rc1	47	Af2	Qc3
8	Qd2	Qe7	28	Bf7	Q57	48	Rh3	
9	Rc1	Cd	29	Bc1	Qf4	49		
10	Cd	Neg	30	Rd4	Qd4	50		
11	Nb5	Bd7	31	Rc7	Qe7	51		
12	Na7	f5	32	Qa1	Qb1	52		
13	Qb4	b5	33	Kf2	Nf5	53		
14	h4	fe	34	Rh7	Qc2	54		
15	fx	Nf6	35	K91	Qc1	55		
16	N5	N94	36	Kh2	Qf4	56		
17	B95	B96	37	Kh1	Qc1	57		
18	Nf3	h8	38	Kh2	Qf4	58		
19	h9	Bb5	39	K91	Qc1	59		
20	B6	Nab	40	Kf2	Qf2	60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				
Xie Yuyang		Zhangjia Chen		Wen				

12:07

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B/14
Round	2
Date	7-18
Board	35

WHITE		Xie, Yuyang		FED	CHN	RESULT (R)	1	
BLACK		Zhang, jia chen (GD)		FED	CHN	RESULT (R)	0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qc4	Nc5	41	Kj1	Qc1+
2	c4	g6	22	b4	Rac8	42	Kh2	Qf4
3	Nc3	Bf7	23	Bc6	Nb7	43	Kh1	Qc1+
4	e4	d6	24	Qa1	Rc7	44	Nj1	Nj3+
5	f3	O-O	25	Qb6	Nd8	45	Kh2	Nf5-
6	Be3	e5	26	O-O	Nf7	46	Nh3	Qe1
7	d5	c6	27	Be8	Rxc1	47	Nf2	Qc3
8	Qd2	Qe7	28	Bxf7+	Qxf7	48	Rh3	
9	Rc1	Cxd5	29	Rxc1	Qf6	49		
10	Cxd5	Ne8	30	Rc4	Ne3	50		
11	Nb5	Bd7	31	Re7	Qe4	51		
12	Nxa7	f5	32	Qa7	Qb1+	52		
13	Qb4	b5	33	Kf2	Nf5	53		
14	h4	fxe4	34	Rxf7	Qc2+	54		
15	fxe4	Nf6	35	Kj1	Qc1+	55		
16	Nxb5	Ng4	36	fh2	Qf4+	56		
17	Bf5	Bf6	37	fh1	Qc1+	57		
18	Nf3	Bxf5	38	Kh2	Qf4+	58		
19	Nxg5	Bxb5	39	Kj1	Qc1+	59		
20	Bxb5	Nah	40	Kf2	Qc2+	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Xie. Yuyang			Zhangjia Chen			Wen		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

12.10

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Board

Group

Round

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date

Board

Group

Round

7.18 36

WHITE		BLACK		FED		RESULT (P) /		
李逸飞		赵旭		FED		RESULT (D) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	o15	21	Qe8		41		
2	g3	c4	22			42		
3	Bg2	Nc6	23			43		
4	o4	Bf5	24			44		
5	O-O	e6	25			45		
6	c4	Nd1	26			46		
7	Ne3 Nc3	Nc4	27			47		
8	o15	Na3	28			48		
9	b13	Qa5	29			49		
10	Nh5	Be8	30			50		
11	o4	Qc4	31			51		
12	Be4	cd4	32			52		
13	Nd5	Rd8	33			53		
14	Rb1	Rd7	34			54		
15	Be6	Qc6	35			55		
16	Ne5	Qe4	36			56		
17	Na7	Qb1	37			57		
18	Qa4	Qf4	38			58		
19	Nd8	Rc8 Rc8	39			59		
20	Ba3	1898	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Li Yifeng			Zhao Xu			Arbiter		

WHITE		FED		RESULT (P)				
Li Xinying				1				
BLACK		FED		RESULT (D)				
Zhao Xu				0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Qe4		41		
2	g3	c5	22			42		
3	Bg2	Nc6	23			43		
4	d4	Bf5	24			44		
5	O-O	e6	25			45		
6	c4	Nf6	26			46		
7	Ng3	Ne4	27			47		
8	cd	Nc5	28			48		
9	dc	Qa5	29			49		
10	Nh4	Be4	30			50		
11	c4	Qc4	31			51		
12	Be4	cd	32			52		
13	Nf3	Rd8	33			53		
14	Rb1	Rd7	34			54		
15	Bxc6	Qxc6	35			55		
16	Ne5	Qe4	36			56		
17	Nxd7	Qxb1	37			57		
18	Qa4	Qf5	38			58		
19	Nxb4	Kc8	39			59		
20	Ba3	Kg8	40			60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				
Li Xinying		Zhao Xu		Arbiter				

1306

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Board	37

WHITE		BLACK		TD	RESULT (V)	RESULT (D)	
Ng Ser Geer		Rus		56P	1	0	
#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE	#	BLACK
1	d4	d5	21	ce3	c17	41	Q:d8 L:d8
2	c4	dc	22	Kc5	1b8	42	de7 i:d8
3	Kf3	ab	23	ay	Qe7	43	K:Qd2 Q:Qd5
4	e3	cd4	24	Q3	e5	44	1174 K:L8
5	c:c4	e6	25	de5	K:d7	45	1.B6 j:c7
6	A3	cl5	26	K:d7	Q:d7	46	h4 Kph6
7	Kbde	Kf6	27	cg4	f5	47	1.i7 K:i7
8	0-0	ce7	28	de	Qe6	48	1cy K:Qd7
9	Q3	0-0	29	ef	Q:f5	49	K:Qf3 K:f6
10	b4	Kbd7	30	ce2	Q:e5	50	K:Qf1 K:Qd4
11	Qb3	Kb6	31	cfv	Qe7	51	f3 K:Q6
12	cd3	Qd5	32	ccy	h4b8	52	1d3 K:e8
13	Qc2	Qd8	33	K:Qd7 1e1	Q:4	53	1d3 f6
14	Ke5	ag6	34	Qf6	1:c7	54	1g Kc7
15	K:Qf6	h4	35	K:17	1:ad1	55	ccy K:e8
16	Kb3	Kbd7	36	hbd	1:Qd2	56	Q5 K:Qd7
17	Q4	cc	37	Qe2	Q6	57	K:Qe5 K:Q6
18	1fy	Kb6	38	1:d8	Q:Qd2	58	1d3 K:Q4
19	1:Qd1	K:e8	39	Qe5	K:Qd7	59	K:Qd4 K:e6
20	1:Q2	cd6	40	Q:Q2	K:Qh6	60	1:Qd6 Kc1
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (DIBED)			
Ricei		y		u2			

WHITE		BLACK		TD	RESULT (V)	RESULT (D)		
Ng Sergeer		Rus		56P	7.07	34		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kf5	K68	21			41		
2	Cf5	K64	22			42		
3	Le4	K68	23			43		
4	h5	Ka47	24			44		
5	Cf5	K64	25			45		
6	Le6		26			46		
7			27			47		
8			28			48		
9			29			49		
10			30			50		
11			31			51		
12			32			52		
13			33			53		
14			34			54		
15			35			55		
16			36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		
SIGNATURE WHITE			SIGNATURE BLACK			SIGNATURE (COMBINED)		
Ricei			y			dan		

1306

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Board	37

WHITE		BLACK		TD	TD	TD	TD	TD	TD
Ng Yu Chang Ricei		Sageev, Michael N				Rus		Rus	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	RESULT (D)
1	dh	q0	dt	q0	21	Bd3	14	Bd4	26
2	ch	q1	bch	11	22	Nd5	11	Bd8	27
3	Nf3	q1	ac	q1	23	oh	17	Qd4	22
4	es	q0	Bg4	12	24	gs	37	es	18
5	Bch	10	cc	11	25	05	3c	Nf3	14
6	1:3	1:7	Bd5	14	26	Nd3	30	Qd3	14
7	Nd3	16	17	Bg4	24	15	13	Bd4	3
8	0-0	00	Bch	15	27	des	18	Qd6	13
9	03	1:2	0-0	17	29	Qd3	13	gfs	13
10	1:4	68	Nd4	12	30	Bc2	15	Qd5	13
11	Qb3	1:2	Nd4	12	31	Bf4	17	Qd4	13
12	Bb3	16	Qd5	11	32	Bd4	14	Kd5	13
13	Qc2	14	Qd4	11	33	Rd4	11	Qd6	11
14	Nd5	13	Bg4	14	34	Bc2	15	Nd4	11
15	1:Q4	1:3	1:Q4	14	35	Ret 1	11	Bd8	11
16	Nb3	1:3	1:Q4	14	36	Qc2	11	gs	12
17	ch	1:3	1:Q4	14	37	Rd8	13	Qd8	6
18	Bh4	1:3	Nd4	11	38	Qd5	11	Kd4	1
19	Rd4	1:3	Nd4	11	39	Qd4	12	Kd6	1
20	Bc2	1:3	Bd4	18	40	Qd8	8	Rd8	2
SIGNATURE WHITE		SIGNATURE BLACK		SIGNATURE (DIBED)		SIGNATURE (DIBED)		SIGNATURE (DIBED)	
Ricei		y		u2		u2		u2	

2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日		2020年12月20日	
-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	--

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

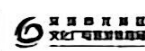


Date
18/7/26

Group
B-14
Round
2
Board
38

WHITE Paolo Kelmendi				FED SGP			RESULT (W) 0	
BLACK Cheng, Aiden				FED SGP			RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Bxe4	dxe4	41		
2	d4	d5	22	Qxe4	Bf5	42		
3	exd5	cxd5	23	Qe5	Qb6	43		
4	Bd3	Bd6	24	Qe2	Re Rd8	44		
5	Nf3	Nf6	25	Qd2	Qc7	45	.	
6	O-O	O-O	26	Na3	Bg4	46		
7	h3	c6	27	fe1	Rxe1	47		
8	Re1	Nbd7	28	Qxe1	Gf4	48		
9	c3	Qc7	29	Nc2	Bc6	49		
10	Bg5	h6	30	a3	a6	50		
11	Bh4	g5	31	Ne3	Qg5	51		
12	Nxg5	hxg5	32	Qd2	Nh5	52		
13	Bxg5	Bf4	33	g3	b45	53		
14	h4	Re8	34	Nc4	Qg6	54		
15	Rxe8	Nxe8	35	Nd5	Qb1+	55		
16	Qh5	Ndf6	36			56		
17	Qh6	Bxg5	37			57		
18	hxg5	Ne4	38			58		
19	g6	fxg6 fxg6	39			59		
20	Gxg6+	Ng7	40			60		
SIGNATURE (WHITE) PK			SIGNATURE (BLACK) Aiden			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7/18

Group
B14
Round
2
Board
38

WHITE Paolo, Kelmendi				FED SGP		RESULT (W) 0-1		
BLACK Aiden				FED SGP		RESULT (B) 0-1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Be4	de	41		
2	d4	d5	22	Qe4	Bc5	42		
3	ed	ed	23	Qe5	Qb6	43		
4	i Bd3	Bd6	24	Qe2	Re8	44		
5	Nf3	Nf6	25	Qd2	Qc7	45		
6	O-O	O-O	26	Na3	Bg4	46		
7	h3	c6	27	Re1	Re1	47		
8	Re1	Nd7	28	Qe1	Qf5	48		
9	c3	Qc7	29	QNb2	Bb6	49		
10	Bg5	h6	30	Qc3	a6	50		
11	Bh4	g5	31	Ne3	Qg5	51		
12	Nxg5	hxg5	32	Qd2	Nh5	52		
13	Bxg5	Bf4	33	Bd5	Nc4	53		
14	h4	Re1	34	Qg6	Nc5	54		
15	Re1	Ne1	35	Qb8		55		
16	Qh5	Ndxf6	36			56		
17	Qh6	Bxg5	37			57		
18	fxg5	Nc5	38			58		
19	g6	fxg6	39			59		
20	Qxg6	Nc7	40			60		
SIGNATURE (WHITE) PK			SIGNATURE (BLACK) Aiden			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18

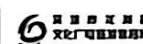
Group B-14

Round 2

Board 39

WHITE				FED				RESULT (W)			
罗开阳 Luo Andy Kai'Yang								0			
BLACK				FED				RESULT (B)			
钟子腾 Zhongzi Teng								1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	c5	21	e3	Qd5	41					
2	c4	Nc6	22	Qe2	d6	42					
3	Nc3	g6	23	d6	f3	43					
4	g5	Bg7	24	Bxg5	Rxg5	44					
5	Bg2	d6	25	Gxg3	Qxd2	45					
6	Qd3	Qd5	26	Nf3	Qd6	46					
7	d3	Nge7	27	Ra1	Rf8	47					
8	Bd2	O-O	28	Qd2	Nf8	48					
9	Rd1	Be6	29	Qc6	f3	49					
10	Ne1	f5	30	Rd1	Rad1	50					
11	Nc2	a5	31	Qf3	Qd2	51					
12	Ne3	Rh8	32	f4	e4	52					
13	Ne4	Bf7	33	Kf2	Qd5	53					
14	a3	Nxd5	34	Rd2	Rd8	54					
15	Nxd5	Nxd5	35	Qd2	Nf8	55					
16	b6	b4	36	Qa6	Nd6	56					
17	ab	ab	37	Kf3	Qf5	57					
18	b6	f5	38			58					
19	Nd7	Ne3	39			59					
20	f4	Nc2	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
罗开阳				钟子腾				zheng			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18

Group B-14

Round 2

Board 39

WHITE						FED		RESULT (W)	
罗开阳 Luo Andy Kaiyang								0	
BLACK						FED		RESULT (B)	
Zhouzi teng								1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	Nf3	c5	21	Qe3	d5	41			
2	c4	Nc6	22	Qe2	d6	42			
3	Nc3	g6	23	d6	f3	43			
4	g5	Bg7	24	Bd3	Rf3	44			
5	Bg2	d6	25	Bf3	Qd2	45			
6	Qd3	Qd5	26	Nf3	Rd3	46			
7	d3	Nc7	27	Ra1	Rf8	47			
8	Bd2	O-O	28	Qd2	Nf8	48			
9	Rd1	Be6	29	Qc6	Bh3	49			
10	Ne1	f5	30	Rd1	Nc7	50			
11	Nc2	a5	31	Qf3	Qd2	51			
12	Ne3	Rh8	32	f4	e4	52			
13	Ne4	Bf7	33	Kf2	Qd5	53			
14	a3	Nxd5	34	Rd2	Qe5	54			
15	Nxd5	Nxd5	35	Kf2	Rd8	55			
16	b4	Qb6	36	Qa6	Nd6	56			
17	a4	b6	37	Qa6	Nb6	57			
18	Nf5	Rc7	38	Qd5	Qd5	58			
19	Nc3	f4	39	Qe2	Rf4	59			
20	Rc2	Be6	40			60			
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
罗开阳						周子腾		zhao	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
2026. 7. 18Group
B/C
Round
2
Board
40

11:51

WHITE		BLACK		FED		FED		RESULT (R)		RESULT (B)	
Gao, Baotai		Wang, Kai C16711		CHN		CHN		0		1	
#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE	#	BLACK
1	d4	21	Qd2	41	Rf3						
2	Nf3	22	Ba3	42	Rb8						
3	e3	23	Bd3	43	Qd6						
4	Bd3	24	Qg4	44	Qa8						
5	Bg6	25	Bg3	45	Qd8						
6	b3	26	Qd8	46	Qd8						
7	Bb2	27	Rh1	47	Rh8						
8	Nbd2	28	h5	48	Nf6						
9	c4	29	g5	49	Ng4						
10	h3	30	Rb1	50	Kd7						
11	Qc2	31	Kc2	51	Rd8						
12	cd	32	Bd5	52	Rd2						
13	Nf5	33	Rd2	53	Nf2						
14	Nd2	34	Bd5	54	Rf7						
15	g4	35	Rd1	55	Ke6						
16	0-0-0	36	Qd2	56	Nd3						
17	Rd5	37	Rd7	57	Kd7						
18	Kb1	38	Bb8	58	ab						
19	Bc1	39	Kc6	59	Ke6						
20	Rh2	40		60							
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
高保泰		王凯		高保泰		王凯		高保泰		王凯	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
2026. 7. 18Group
B/C
Round
2
Board
40

11:51

WHITE		BLACK		FED		FED		RESULT (R)		RESULT (B)	
高保泰		Wang, Kai		CHN		CHN		0		1	
#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE	#	BLACK
1	d4	21	Qd2	41	Rf3						
2	Nf3	22	Ba3	42	Rb8						
3	e3	23	Bd3	43	Qf6						
4	Bd3	24	Qb4	44	Qd8						
5	Bg6	25	Bg3	45	Qd8						
6	b3	26	Qf8	46	Rd8						
7	Bb2	27	Rd1	47	Rd8						
8	Nbd2	28	Nf4	48	Nf6						
9	c4	29	g5	49	Ng4						
10	h3	30	Rh1	50	Kd7						
11	Qc2	31	Kc2	51	Bd8						
12	cd	32	Bf4	52	Rd2						
13	Ne4	33	Rd2	53	Nf2						
14	Nd2	34	Bd5	54	Rf2						
15	g4	35	Rd1	55	Kd6						
16	0-0-0	36	Qd8	56	Ne3						
17	Rd4	37	Rf7	57	Kf2						
18	Kb1	38	Bd1	58	Qd6						
19	Bc2	39	Kc3	59	Kd6						
20	Rh2	40		60							
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
高保泰		王凯		高保泰		王凯		高保泰		王凯	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Board

41

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Burkitbayev, Aibar		高睿阳		Kf2		Bd4		Rd1		Rc7	
FED		FED		RESULT (W)		RESULT (B)		1		0	
KAZ		CHN		1		0					
1	e4	e6	21	Kf2	Bd4	41	Rd1	Rc7			
2	d4	d5	22	Bd4	Rf7	42	Rd2	Rc3			
3	Nc3	Nf6	23	0e3	Nf8	43	Rg3	Rc6			
4	e5	Nd7	24	h3	Re8	44	Bd1	Kg8			
5	f4	c5	25	g4	Ree7	45	Rc3	Rc3			
6	Nf3	Nc6	26	Kh2	Ree7	46	Rd3	Rc4			
7	Be3	a6	27	Rg1	Bc5	47	Kg3	Kf7			
8	Be2	b5	28	Rf92	Re7	48	C3	Rc6			
9	a3	Bb7	29	Bc5	Re8	49	Bb3	Ke7			
10	0-0	Qb6	30	Bf8	Kf8	50	Kf3	Rd8			
11	Bf2	cd	31	gf	ef	51	Ke3	Bc7			
12	b4	Qc7	32	Qd4	Be6	52	Bd1	Rc8			
13	Nd4	Be7	33	Qf2	Qd7	53	Kd2	Rc4			
14	Qd2	Rc8	34	h4	Qd7	54	Rd9	Rc8			
15	Nc6	Qc6	35	Qg3	Qe7	55	Be2	Ke6			
16	Bd4	0-0	36	h5	Kg8	56	Kc2	Ke7			
17	Bd3	f6	37	Be2	h6	57	Rd1	Rc7			
18	Ne2	f5	38	Kh3	Kh8	58	Kd2	Rd7			
19	Bb2	Bd8	39	Qe3	Qd7	59	Ke3	Rc7			
20	Nd4	Bb6	40	Qd7	Rd7	60	Kd4	Rc8			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

18 JULY

Board

41

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		
Burkitbayev Aibar				KAZ				RESULT (W)				
Gao Hsueyang				CHN				RESULT (B)				
								1				
								0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e6	21	Rf2	0:29	Bd4	1:00	41	Rd1	0:19	Rc7	0:27
2	d4	ds	22	Bd4	0:39	Rf7		42	Rd2	0:17	Rc3	0:26
3	Nc3	Nf6	23	Qc3	0:55	Nf8	0:35	43	Bg3	0:17	Rf8	0:25
4	e5	Nf4	24	h3	0:51	Rc4		44	Bd1	0:17	Kg8	0:22
5	f4	c5	25	g4	0:49	Ree7		45	Rc1	0:19	Rc1	0:22
6	Nf3	Nc6	26	Kh2	0:47	Ree8		46	Rd1	0:17	Rc7	0:20
7	Be3	a6	27	Rg1	0:45	Bc7	0:47	47	Kg3	0:12	Kf7	0:19
8	Be2	b5	28	Rf92	0:45	Ree7	0:44	48	c1	0:17	Rc7	0:18
9	a3	Bb7	29	Bc5	0:44	Ree7	0:45	49	Bb3	0:17	Ke7	0:17
10	0-0	1:31	30	Bf8	0:35	Kf8	0:35	50	Kf3	0:16	Rd8	0:16
11	Bf2	1:25	31	gf	0:35	Qe7	0:41	51	Ke3	0:12	Bf7	0:15
12	b4	1:24	32	Qd4	0:35	Bc6	0:25	52	Bd1	0:9	Rc8	0:12
13	Nd4	1:23	33	Qf2	0:29	Qd7	0:29	53	Kd2	0:5	Rc4	0:10
14	Qd2	1:22	34	h4	0:26	Qd7	0:22	54	Rd4	0:8	Rc8	0:9
15	Nc6	1:19	35	Qc6	1:12	Qg3	0:25	55	Be2	0:6	Kc6	0:8
16	Bd4	1:19	36	h5	0:24	Kg8	0:11	56	Ke3	0:4	Ke7	0:3
17	Bd3	1:18	37	Be2	0:21	h6	0:11	57	Rd1	0:3	Rc7	0:5
18	Ne2	1:12	38	Kh3	0:21	Kh8	0:23	58	Kd2	0:2	Rd7	0:5
19	Bb2	1:12	39	Qc3	0:20	Qd7	0:22	59	Ke3	0:2	Rc7	0:3
20	Nd4	1:10	40	Qc3	0:19	Rc7	0:25	60	Kd4	0:2	Rc8	0:7
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)				

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

18 JULY

Board

41

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Burkitbayev, Aibar		高睿阳		Kf2		Bd4		Rd1		Rc7	
FED		FED		RESULT (W)		RESULT (B)		1		0	
KAZ		CHN		1		0					
1	Rg1	0:3	Kf8	0:3	F6	g6		41			
2	Ra1	0:3	Rc7	0:1	Kf6	h3		42			
3	a4	0:4	Ke7	0:2	Rb4	h2		43			
4	ab	0:4	ab	0:1	Rh4	kg1		44			
5	Ra5	0:4	Be8	0:2	Rh7	ka		45			
6	Bb5	0:3	Bb5	0:2	Rh8	#		46			
7	Rb5	0:7	Rc4	0:12				47			
8	Kd5	0:7	Rc3	0:13				48			
9	Rb7	0:4	Kf8	0:3				49			
10	Ke6	0:4	Rc6	0:3				50			
11	Kf5	0:4	Rc7	0:4				51			
12	b5	0:5	Rh1	0:4				52			
13	Ke6	0:5	Kg8	0:4				53			
14	b6	0:5	Rh5	0:4				54			
15	Rb7	0:6	Kh7	0:5				55			
16	b7	0:6	Rh1	0:6				56			
17	Rc8	0:6	Rb1	0:5				57			
18	bg	0:1	Rb8					58			
19	Rb8		h5					59			
20	F5		h4					60			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

18 JULY

Board

41

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Burkitbayev, Aibar		高睿阳		Kf2		Bd4		Rd1		Rc7	
FED		FED		RESULT (W)		RESULT (B)		1		0	
KAZ		CHN		1		0					
1	Rg1	Kf8	21	f6	gf	41					
2	Ra1	Rc7	22	Kf8	Qh6	42					
3	a4	Ke7	23	Rb4	h2	43					
4	ab	ab	24	Rh4	kg8	44					
5	Ra5	Be8	25	Rh7	ka	45					
6	Bb5	Bb5	26	Rh8	#	46					
7	Rb5	Rc4	27			47					
8	Kd5	Rc3	28			48					
9	Rb7	Kf8	29			49					
10	Ke6	Rc6	30			50					
11	Kf5	Rc7	31			51					
12	b5	Rh1	32			52					
13	Ke6	Kg8	33			53					
14	b6	Rh5	34			54					
15	Rb7	Kh7	35			55					
16	b7	Rh1	36			56					
17	Rc8	Rb1	37			57					
18	bg=0	Kb8	38			58					
19	Rb8	h5	39			59					
20	F5	h4	40			60					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18

Group U14

Round 2

Board 42

WHITE Li Jia Cheng				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Wanyun Jituanjun				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rxe3	Re8	41	Ke3	g3			
2	d4	d5	22	Re1	Qxe3	42	hxe3	h3			
3	Nc3	dxe4	23	Rxe3	Kc6	43	Ke5	h2			
4	Nxe4	Nf6	24	f4	Nc7	44	Kxf5	h1			
5	exf6	exf6	25	AXE3 Nf5		45	g4	Qh7			
6	Nf3	Bd6	26	Bxd5	Kxd5	46	Lf6	Ld6			
7	Bd3	Bg4	27	Kf3	Qe3	47	R5	Qe7			
8	Qe2	Qe7	28	Kxe3	g4	48	Kg6	Ke5			
9	Qxe1	Kxe1	29	Kf4	N5	49	g5	Kxe3			
10	Nh4	Kd7	30	b3	a5	50	Kh6	Kxg5			
11	f3	Bc6	31	Kd2	a4	51					
12	Nf5	Bxf5	32	bxa4	bxa4	52					
13	Bxf5	Kc7	33	Ke3	Ke5	53					
14	g3	g6	34	a3	Kxf5	54					
15	Bh3	cs	35	Kd4	Ke6	55					
16	d5	Re8	36	Kxh4	Kd6	56					
17	Kf2	c4	37	Kh5	Kc7	57					
18	Bc3	Na6	38	Kc5	f5	58					
19	c3	Bc5	39	gxf5	f5	59					
20	Re1	Rxe3	40	Kd4	g4	60					
SIGNATURE (WHITE) Li				SIGNATURE (BLACK) Wanyun				SIGNATURE (ARBITER) zhen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 12/12/26

Group U14

Round 2

Board 42

WHITE Li Jiacheng				FED China				RESULT (W) 0			
BLACK Wanyun Jituanjun				FED Sha				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6 1:30:37	21	Rxe3	Re8 10559	41	Kd5	f4 5137			
2	d4	d5 1:02	22	Rac1	Rxe3 10559	42	gxf4	f5 9935			
3	Nc3	dxe4 1:31:18	23	Rxc3	Kd6 10615	43	Kd4	h4 4920			
4	Nxe4	Nf6 1:31:22	24	f4	Nf7 10519	44	Kc3	Kc6 4940			
5	Nxf6	exf6 1:31:30	25	Bg2	Nd5 10522	45	Kd4	d3 4951			
6	Nf3	Bd6 1:31:28	26	Bxd5	Kxd5 10545	46	hxg3	h3 5015			
7	Bd3	Bg4 1:31:08	27	Kf3	Pxe3 10600	47	Kc5	h2 5036			
8	Qe2	Qe7 1:28:22	28	Kxe3	g5 10502	48	Kxf5	h1=Q 5057			
9	Qxe1	Kxe1 1:28:20	29	f5	g4 10506	49	g4	Qh7 5051			
10	Nh4	Kd7 1:23:21	30	Kf4	h5 10519	50	Kf3	Kd6 5040			
11	f3	Bc6 1:23:20	31	b3	a5 10518	51	f5	Qd7 5035			
12	Nf5	Bxf5 1:18:48	32	Ke3	b5 10511	52	KsC	Kc5 5045			
13	Bxf5	Kf7 1:19:04	33	Kd2	a4 10359	53	g5	Qe7 5116			
14	b3	g6 1:18:18	34	gxf4	gxf4 10340	54	Kh6	Kxf5 5134			
15	Bh3	c5 1:18:05	35	Kc3	Kc5	55					
16	d5	Re8 1:17:03	36	g3	Kxf5 5145	56					
17	Kf2	c4 1:15:43	37	Kd4	Ke6 10512	57					
18	Bc3	Nh6 1:11:57	38	Kxf4	Kd6 10446	58					
19	c3	Bc5 1:09:20	39	Kg5	Kc7 10505	59					
20	Rae1	Rxe3 10508	40	Kc6	f5 5142	60					
SIGNATURE (WHITE) Li				SIGNATURE (BLACK) Wanyun				SIGNATURE (ARBITER) zhen			

11:02

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18.7.2026

Group	B14
Round	1
Board	42

WHITE		BLACK		FED 1660		RESULT (W) 1		
Hui Qiao		Moumad Yoon		Yakso		RESULT (B) 0		
BLACK		FED -						
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	dxf7	afg	41		
2	c4	Nf6	22	efg	Nf6	42		
3	Ne3 Nk3	Bb4	23	Bfc	Qxf6	43		
4	Qc2	Bc3	24	Re7	Qxf4	44		
5	bxc3	ds	25	Qfx2	Bxc7	45		
6	es	Ned7	26	Qxet	Khg	46		
7	d4	dxf4	27	Nd2		47		
8	Bxc4	cs	28			48		
9	fy	Nb6	29			49		
10	Bbct	Bd7	30			50		
11	Bxd7	N8xd7	31			51		
12	Nf3	oe	32			52		
13	O-o	h6	33			53		
14	Qe2	Nf5	34			54		
15	Bd2	b6	35			55		
16	Rad1	f6	36			56		
17	c4	Mf7	37			57		
18	Bc3	Qe7	38			58		
19	d5	Rd8	39			59		
20	ds	Qf7	40			60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		
Hui Qiao		*Huibiao		Hui Qiao		Huibiao		

11:02

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
17.8

Group	B14
Round	2
Board	43

WHITE		BLACK		FED 1660		RESULT (W) 1		
Moumad Yakan		Yakan		FED 0		RESULT (B) 0		
BLACK		HuiBiao						
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	dxc7	Rc8	41		
2	c4	Nd6	22	exf6	Nxf6	42		
3	Nc3	Bd4	23	Bxf4	Qxf6	43		
4	Qc2	Bxc3	24	Rd1	Qxf4	44		
5	bxc3	ds	25	Qe2	Rxc7	45		
6	es	Nd7	26	Qxf6	Rxf6	46		
7	d4	dxc4	27	Rd2		47		
8	Bxc4	c5	28			48		
9	f4	Nb6	29			49		
10	Bb5+	Bd7	30			50		
11	Bxd7+	Nxd7	31			51		
12	Nf3	O-O	32			52		
13	O-O	h6	33			53		
14	Qf2	Nd5	34			54		
15	Bd2	Alb6	35			55		
16	Rd1	f6	36			56		
17	c4	Nc7	37			57		
18	Bc3	Qe7	38			58		
19	ds	Rd8	39			59		
20	ds	Qf7	40			60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		
Huibiao		Huibiao		Huibiao		Huibiao		

11:48

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

SHEN ZHEN



Date

15/07/26

Board

44

Round

2

Group

B14

WHITE		BLACK		FED		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
Bry. Lixianfeng		L. Jiarang		INA		CHN		1		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Cf5	Bc7	41	Bxd8	a3	42	a3	a5
2	Bf4	c6	22	Qxd5	Bxg5	43	fxc95	hxc95	44	g4	g4
3	e43	b6	23	Qf3	Le78	45	fx95	fx95	46	fx95	fx95
4	Nf3	Be7	24	Qd7	Cf8	47	fx95	fx95	48	fx95	fx95
5	Nbd2	c5	25	Qa8	Le7	49	fx95	fx95	50	fx95	fx95
6	Nc4	Nc4	26	Qe4	Le7	51	fx95	fx95	52	fx95	fx95
7	Bd3	d5	27	Cxc4	Le7	53	fx95	fx95	54	fx95	fx95
8	Nc5	Nd6	28	Qec	Bf6	55	fx95	fx95	56	fx95	fx95
9	c3	C44	29	Qe8	Le7	57	fx95	fx95	58	fx95	fx95
10	Bc2	f6	30	fx95	fx95	59	fx95	fx95	60	fx95	fx95
11	N95	fx5	31	Bc6	g6	61	fx95	fx95	62	fx95	fx95
12	Qa5	Le7	32	Qx8	fx8	63	fx95	fx95	64	fx95	fx95
13	fx5	Nc4	33	fx	Bd8	65	fx95	fx95	66	fx95	fx95
14	Nxe4	fx4	34	fx1	fx65	67	fx95	fx95	68	fx95	fx95
15	Ba4	Kc7	35	fx1	fx65	69	fx95	fx95	70	fx95	fx95
16	Bd8	Bd5	36	g3	Le97	71	fx95	fx95	72	fx95	fx95
17	Bd5	Qc8	37	Rd5	h6	73	fx95	fx95	74	fx95	fx95
18	Qc7	Nd7	38	Rd5	fx6	75	fx95	fx95	76	fx95	fx95
19	Bxd5	Cxd5	39	Bd8	fx6	77	fx95	fx95	78	fx95	fx95
20	c6	Qc8	40	d8=c	fx6	79	fx95	fx95	80	fx95	fx95

11:48

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

SHEN ZHEN



Date

7.18

Board

45

Round

2

Group

B14

WHITE		BLACK		FED		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
Bry. Lixianfeng		L. Jiarang		INA		CHN		1		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qc5	Bd8	41	Rd8	a3	42	a3	a5
2	fx4	e6	22	Qd5	Bg5	43	fx4	fx4	44	fx4	fx4
3	fx3	b6	23	Qc6	Kd7	45	fx4	fx4	46	fx4	fx4
4	Nf3	Bc7	24	Qc7	Le7	47	fx4	fx4	48	fx4	fx4
5	Nd2	c5	25	Qa8	Le7	49	fx4	fx4	50	fx4	fx4
6	Nc4	Nc4	26	Qe4	Le7	51	fx4	fx4	52	fx4	fx4
7	Bd3	d5	27	Qc4	Le7	53	fx4	fx4	54	fx4	fx4
8	Nc5	Nd6	28	Qe4	Le7	55	fx4	fx4	56	fx4	fx4
9	c3	C44	29	Qe8	Le7	57	fx4	fx4	58	fx4	fx4
10	Bc2	f6	30	fx4	fx4	59	fx4	fx4	60	fx4	fx4
11	N95	fx5	31	Bc6	g6	61	fx4	fx4	62	fx4	fx4
12	Qa5	Le7	32	Qx8	fx8	63	fx4	fx4	64	fx4	fx4
13	fx5	Nc4	33	fx	Bd8	65	fx4	fx4	66	fx4	fx4
14	Nxe4	fx4	34	fx1	fx65	67	fx4	fx4	68	fx4	fx4
15	Ba4	Kc7	35	fx1	fx65	69	fx4	fx4	70	fx4	fx4
16	Bd8	Bd5	36	g3	Le97	71	fx4	fx4	72	fx4	fx4
17	Bd5	Qc8	37	Rd5	h6	73	fx4	fx4	74	fx4	fx4
18	Qc7	Nd7	38	Rd5	fx6	75	fx4	fx4	76	fx4	fx4
19	Bxd5	Cxd5	39	Bd8	fx6	77	fx4	fx4	78	fx4	fx4
20	c6	Qc8	40	d8=c	fx6	79	fx4	fx4	80	fx4	fx4

10:57

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN

中国象棋协会

Group	B14
Round	2
Board	4b
Date	7.18
Result (W)	1
Result (D)	0

WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)		RESULT (D)	
程		程		程		程		程	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Ng6	21	Qd6	g4	41			
2	c4	ab	22	f4	h4	42			
3	Ng3	de	23	d	Bd8	43			
4	g3	Bd7	24	Bd7	Q5	44			
5	Bd2	Bd2	25	Ng4	Ne3	45			
6	Nh3	a-o	26	Bd3	Re2	46			
7	g2	Nb6	27	Kf2	Kf8	47			
8	o-o	b	28	Rd3	Re8	48			
9	Qa2	Bd7	29	Rb8	Rb8	49			
10	Rd1	Ne7	30	Re3	Re8	50			
11	Ne5	Nb6	31	Kf2	Rd8	51			
12	Re1	Rd8	32	c7	Rd4	52			
13	Nb3	Ne6	33	Bd3	Rd8	53			
14	de	Ng4	34	a-a	Rd8	54			
15	d	d	35	Rd8	Kg7	55			
16	Qd3	Nh6	36	g4	b5	56			
17	Qd3	d	37	Ng5	Kd8	57			
18	Q4	Ng4	38	Rg8		58			
19	ed	Ne5	39			59			
20	Qd5	Qd6	40			60			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ADMITTED)					
程		程		程					

10:57

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN

中国象棋协会

Group	B14
Round	2
Board	4b
Date	
Result (W)	1
Result (D)	0

WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)		RESULT (D)	
程		程		程		程		程	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Nf6	21	g4	f4	41			
2	c4	e6	22	Ng4	c6	42			
3	Nf3	d5	23	Ba8	Rd7	43			
4	g3	Bb4	24	a5	Nd4	44			
5	Bd2	Bd2	25	Ne3	Rte8	45			
6	Nb d2	o-o	26	Kf3	Rd8	46			
7	Bg2	Nc6	27	Rc6		47			
8	o-o	b6	28			48			
9	Qc2	Bb7	29			49			
10	Rd2	Ne7	30			50			
11	Ne5	Ng6	31			51			
12	Rac1	Rc8	32			52			
13	Nb3	Ne5	33			53			
14	de	Ng4	34			54			
15	d	ed	35			55			
16	Qf5	Nh6	36			56			
17	Qd3	c6	37			57			
18	e4	Ng4	38			58			
19	ed	Ne5	39			59			
20	Qf6	Qf6	40			60			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ADMITTED)					
程		程		程					

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE	陈嘉庚	FED	CHN	RESULT (W)	0
BLACK	陈嘉庚	FED	CHN	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	陈嘉庚	陈嘉庚	21	陈嘉庚	陈嘉庚
2	陈嘉庚	陈嘉庚	22	陈嘉庚	陈嘉庚
3	陈嘉庚	陈嘉庚	23	陈嘉庚	陈嘉庚
4	陈嘉庚	陈嘉庚	24	陈嘉庚	陈嘉庚
5	陈嘉庚	陈嘉庚	25	陈嘉庚	陈嘉庚
6	陈嘉庚	陈嘉庚	26	陈嘉庚	陈嘉庚
7	陈嘉庚	陈嘉庚	27	陈嘉庚	陈嘉庚
8	陈嘉庚	陈嘉庚	28	陈嘉庚	陈嘉庚
9	陈嘉庚	陈嘉庚	29	陈嘉庚	陈嘉庚
10	陈嘉庚	陈嘉庚	30	陈嘉庚	陈嘉庚
11	陈嘉庚	陈嘉庚	31	陈嘉庚	陈嘉庚
12	陈嘉庚	陈嘉庚	32	陈嘉庚	陈嘉庚
13	陈嘉庚	陈嘉庚	33	陈嘉庚	陈嘉庚
14	陈嘉庚	陈嘉庚	34	陈嘉庚	陈嘉庚
15	陈嘉庚	陈嘉庚	35	陈嘉庚	陈嘉庚
16	陈嘉庚	陈嘉庚	36	陈嘉庚	陈嘉庚
17	陈嘉庚	陈嘉庚	37	陈嘉庚	陈嘉庚
18	陈嘉庚	陈嘉庚	38	陈嘉庚	陈嘉庚
19	陈嘉庚	陈嘉庚	39	陈嘉庚	陈嘉庚
20	陈嘉庚	陈嘉庚	40	陈嘉庚	陈嘉庚

Group	B14
Round	2
Board	47

12:22

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



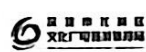
WHITE	陈嘉庚	FED	CHN	RESULT (W)	0
BLACK	陈嘉庚	FED	CHN	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	陈嘉庚	陈嘉庚	21	陈嘉庚	陈嘉庚
2	陈嘉庚	陈嘉庚	22	陈嘉庚	陈嘉庚
3	陈嘉庚	陈嘉庚	23	陈嘉庚	陈嘉庚
4	陈嘉庚	陈嘉庚	24	陈嘉庚	陈嘉庚
5	陈嘉庚	陈嘉庚	25	陈嘉庚	陈嘉庚
6	陈嘉庚	陈嘉庚	26	陈嘉庚	陈嘉庚
7	陈嘉庚	陈嘉庚	27	陈嘉庚	陈嘉庚
8	陈嘉庚	陈嘉庚	28	陈嘉庚	陈嘉庚
9	陈嘉庚	陈嘉庚	29	陈嘉庚	陈嘉庚
10	陈嘉庚	陈嘉庚	30	陈嘉庚	陈嘉庚
11	陈嘉庚	陈嘉庚	31	陈嘉庚	陈嘉庚
12	陈嘉庚	陈嘉庚	32	陈嘉庚	陈嘉庚
13	陈嘉庚	陈嘉庚	33	陈嘉庚	陈嘉庚
14	陈嘉庚	陈嘉庚	34	陈嘉庚	陈嘉庚
15	陈嘉庚	陈嘉庚	35	陈嘉庚	陈嘉庚
16	陈嘉庚	陈嘉庚	36	陈嘉庚	陈嘉庚
17	陈嘉庚	陈嘉庚	37	陈嘉庚	陈嘉庚
18	陈嘉庚	陈嘉庚	38	陈嘉庚	陈嘉庚
19	陈嘉庚	陈嘉庚	39	陈嘉庚	陈嘉庚
20	陈嘉庚	陈嘉庚	40	陈嘉庚	陈嘉庚

Group	B14
Round	2
Board	47

12:22

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

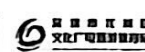


Date
7.18

Group
B14
Round
2
Board
48

WHITE Chen Pan yu			FED CHN			RESULT (W)		
BLACK Wang Ze yu			FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	h9	h9	41		
2	d4	Nf6	22	f5	et	42		
3	b3	e6	23	g4	Kg7	43		
4	Bb2	c5	24	Qg2		44		
5	e3	Nc3	25			45		
6	Nbd2	Re7	26			46		
7	a3	u0	27			47		
8	Bb3	cd	28			48		
9	ed	h6	29			49		
10	0-0	Bb7	30			50		
11	Ne5	Bb6	31			51		
12	f4	Ne7	32			52		
13	Qf3	Nd6	33			53		
14	Rae1	Re8	34			54		
15	g3	Qc8	35			55		
16	Qe2	a5	36			56		
17	h4	Qe7	37			57		
18	h5	Nf8	38			58		
19	g4	Qe7	39			59		
20	a4	g6	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Chen Pan yu			SIGNATURE (BLACK) Wang Ze yu			SIGNATURE (ARBITER) zhew		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026.7.18

Group
B14
Round
2
Board
48

WHITE					FED		1639 CHN		RESULT (W)					
BLACK					FED		0 CHN		RESULT (B) 0					
Chen Panyu														
Wang Ze Yu														
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK						
1	Nf3	d5	21	h9	h9	41								
2	d4	Nf6	22	f5	0xf5	42								
3	b3	e6	23	g4	Kg7	43								
4	Bb3	c5	24			44								
5	Ne3	Nc6	25			45								
6	Nbd2	Re7	26			46								
7	a3	O-O	27			47								
8	b4	cd	28			48								
9	ed	b6	29			49								
10	O-O	bb7	30			50								
11	Ne5	bd6	31			51								
12	f4	Ne7	32			52								
13	Qf3	Ng6	33			53								
14	Re1	Re8	34			54								
15	Re8g3	g3Qc8	35			55								
16	Qe2	a5	36			56								
17	h4	Qc7	37			57								
18	h5	Nf8	38			58								
19	g4	Qe7	39			59								
20	a4	g6	40			60								
SIGNATURE (WHITE)					SIGNATURE (BLACK)					SIGNATURE (ARBITER)				
Chen Panyu					Wang Ze Yu					zhew				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Date	20.1.18
Board	49

WHITE Tao, Xiyun		FED CHN		RESULT (V)	
BLACK Ho Ruijie Jonathan		FED SGP		RESULT (D)	
#		#		#	
1	c4	e5	Qd3	Bd7	Kf4 ab
2	Nc3	Nf6	ef	Bb5	Be2 a5
3	g3	Bb4	Bd2	Bd3	Ke4 Rj3
4	Bg2	O-O	Bb4	Bf1	M4 q4
5	e3	Nc6	Rf1	Rac8	Pf3 Rg1
6	Ne2	Re8	Rd1	Rc2	Kd3 a3
7	O-O	e4	Rd2	d3	Bd5 Rg4
8	Qc2	Bc3	Bf3	Rd8	Bg5 Rb6a2
9	Nc3	Be7	f9	kg7	Ba2 R14
10	d3	ed	Bc3	Kh4	Kc3 Rb2
11	Qd3	Ne5	Bef	b5	Bc4 Rh2
12	Qe2	c6	Rd3	Rd3	Bf6 a2
13	b3	d6	Rd3	Rcl	Kb3 R14
14	h3	h5	Kf2	ba	Bb5 R14
15	f4	Ng6	Bd2	Ra1	Kb3 R14
16	e4	d5	f5	Kh7	Ka2 h4
17	cd	cd	g9	f9	Bd7 R13
18	e5	Qc5	ba	Ra2	Bc6 Rg3
19	Qe3	d4	Ke3	Ra4	Be5 Re3
20	Na4	Qb4	Bb5	Ra3	B14 Re2

SIGNATURE (WHITE)

Tao

SIGNATURE (BLACK)

Jon

SIGNATURE (WHITE)

zheng

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Date	20.1.18
Board	49

WHITE Tao, Xiyun		FED CHN		RESULT (V)	
BLACK Ho Ruijie Jonathan		FED SGP		RESULT (D)	
#		#		#	
1	c4	Q0	e5	Q0	Q3 6
2	Nc3	Q1	Nf6	Q1	B5
3	g3	Q1	Bb5	Q9	B2
4	Bg2	Q0	O-O	Q8	Bb4
5	e3	Q0	Nc6	Q2	Bb1
6	Ne2	Q0	Re8	Q8	Rd1
7	O-O	Q0	e4	Q1	Rd2
8	Qc2	Q8	Qc3	Q7	B3
9	Nc3	Q7	Qe7	Q5	f9
10	d3	Q2	ed	Q5	Bc3
11	Qd3	Q1	Ne5	Q4	Bc4
12	Qe2	Q0	Qc6	Q1	Bc3
13	b3	Q1	d6	Q0	Bb3
14	h3	Q8	h5	Q3	Kf2
15	f4	Q0	Ng6	Q1	Bd2
16	e4	Q1	d5	Q6	f5
17	cd	Q8	cd	Q1	kg7
18	e5	Q8	Qc5	Q8	ba4
19	Qe3	Q7	d4	Q8	Ke3
20	Na4	Q1	Qb4	Q3	Bb5

SIGNATURE (WHITE)

Tao

SIGNATURE (BLACK)

Jon

SIGNATURE (WHITE)

zheng

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Date	20.1.18
Board	49

WHITE Tao, Xiyun		FED CHN		RESULT (V)	
BLACK Ho Ruijie Jonathan		FED SGP		RESULT (D)	
#		#		#	
1	Kb3	h3			41
2	Bb5	Rf2			42
3	Bb3	Rf3			43
4	Kc2	fg3			44
5	Bc6	h2			45
6	Kd2	Rg1			46
7	Kd2	h1a			47
8	Bb5	Rh1			48
9	Kc3	Ra1			49
10	Kg3	Kh5			50
11	Kh4	g5			51
12	Kg4	Ra4			52
13	Kg3	Kh5			53
14	Kh3	g4			54
15	Kg3	Ra3			55
16	Kf2	Kh4			56
17	g3	Kf1			57
18	Kh3	kg1			58
19	Ra1	Ra1			59
20					60

SIGNATURE (WHITE)

Tao

SIGNATURE (BLACK)

Jon

SIGNATURE (WHITE)

zheng

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Date	20.1.18
Board	49

WHITE Tao, Xiyun		FED CHN		RESULT (V)	
BLACK Ho Ruijie Jonathan		FED SGP		RESULT (D)	
#		#		#	
1	Kb3	h3			41
2	Bb5	Rf2			42
3	Bb3	Rf3			43
4	Kc2	Rg3			44
5	Bc6	h2			45
6	Kd2	Rg1			46
7	Ke2	h1a			47
8	Bh1	Rh1			48
9	Kf3	Ra1			49
10	Kc3	Kh5			50
11	Kh4	g5			51
12	Kg4	Ra4			52
13	Kg3	Kh5			53
14	Kh3	g4			54
15	Kg3	Ra3			55
16	Kf2	Kh4			56
17	g3	Kf1			57
18	Kh3	kg1			58
19	Ra1	Ra1			59
20					60

SIGNATURE (WHITE)

Tao

SIGNATURE (BLACK)

Jon

SIGNATURE (WHITE)

zheng

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	11133
Round	2
Board	1

Date 7.18

WHITE	Qhannan Aayush	FED	CHN	RESULT (O)	RESULT (B)
BLACK	陈子豪	FED	CHN	0	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	C4	d5	41	Rg3	Kd1
2	Nc3	Nc6	22	Cd	Cd	42	Rd4	Kg7
3	Bc4	Nf6	23	Rd1	Ke7	43	Rd5	Kh6
4	f4	e9	24	Rc7	Kxe6	44	Rf3	Rd8
5	d4	g4	25	Rxb7	Rg8	45	Rf4	Qb
6	Bxf4	Bg4	26	g4	Kc6	46	Kxh5	
7	Nf3	Nd7	27	Kg2	Kc6	47		
8	0-0	Nb6	28	Rf7	Kb6	48		
9	Bxf7	Kxj7	29	Bxh6	Bxd4	49		
10	Ng5	Ke8	30	Bxg7	Bxg7	50		
11	Qxg4	Cf6	31	Rxg3	Bxg7	51		
12	Be3	Qg6	32	Rxg7	Kxg2	52		
13	Qh3	Nd8	33	Rf7	Kd8	53		
14	Nd5	Nxd5	34	Rd1	Kb5	54		
15	ed	Ke7	35	Rf3	Rd2	55		
16	Re1	h6	36	Rd3	Rd3	56		
17	Nd6	Nxe6	37	h4	Kc5	57		
18	Oxe6	Oxe6	38	Rc1	Kc5	58		
19	de	Bd6	39	g5	Kd4	59		
20	b3	Cb	40	h5	Kd6	60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				
陈子豪		陈子豪		zhena				

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	11133
Round	50
Board	50

Date

WHITE	Aayush Qhannan	FED	CHN	RESULT (O)	RESULT (B)
BLACK	陈子豪	FED	CHN	0	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	C4	d5	41	Rd3	Kh6
2	Nc3	Nc6	22	Cv5e	Cx d5	42	Rf3	Rd6
3	bcd	Nf6	23	Rcl	Ke7	43	Rf5	Rxf5
4	f4	exf4	24	Rcl	Kxe6	44	Kxf5	Qc
5	d4	d6	25	Rxb7	g4	45	Kg4	Rd3
6	Bxf4	Bg4	26	Kd6	Kg2	46	Kf4	Kxh5
7	Nf3	Nd7	27	Kc6	Rf7	47	Rh3	
8	0-0	Nb6	28	Kb6	Bxh6	48		
9	Bxf7	Kxf7	29	Bxd4	Bxd4	49		
10	Ng5	Ke8	30	Bxg7	Rcl	50		
11	Oxg4	af6	31	Kg3	Bxg7	51		
12	be3	Og6	32	Kg7	Rxg2	52		
13	Oh2	Nd8	33	Rf7	Rcl	53		
14	Nd5	Nxd5	34	Kb5	Re2	54		
15	exd5	be7	35	Rd3	Re5	55		
16	Re1	h6	36	h9	Kc9	56		
17	Nd6	Nxe6	37	h5	Kd6	57		
18	Oxe6	Oxe6	38	h9	Ke7	58		
19	dxe6	bxf5	39	Rg5	Kf7	59		
20	b3	Cc	40	Rd4	Kg7	60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				
陈子豪		陈子豪		zhena				

10.57

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Board	51
Date	7/18

WHITE		BLACK		FED		CHN		RESULT (P)	
WEN Zhibo		Lin Hsin peng		FED		TPE		RESULT (M)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	ea	el	21			41			
2	Nf3	d5	22			42			
3	Nc3	Jxe4	23			43			
4	Nxe4	Nb1	24			44			
5	d4	Ngf4	25			45			
6	Bg5	Be1	26			46			
7	Bxh6	Nxh6	27			47			
8	Nxh6	Bxh6	28			48			
9	h3	e-o	29			49			
10	C3	C5	30			50			
11	Qxg5	Gc1	31			51			
12	O-o	Gxc5	32			52			
13	Gc2	ql	33			53			
14	Rfe1	Bd1	34			54			
15	Ra1	Rxh8	35			55			
16	h3	Ra8	36			56			
17	Be4	Bcl	37			57			
18	Nd2	Bg1	38			58			
19	Bxc6	Qxc6	39			59			
20	Nc4	Rd5	40			60			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
Wen Zhibo		Lin Hsin peng		Wen Zhibo		Lin Hsin peng		Zhuo	

10.59

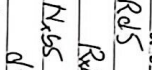
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Board	51
Date	7.18

WHITE		BLACK		FED		CHN		RESULT (P)	
Wen Zhibo		Lin Hsin peng		FED		TPE		RESULT (M)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	ea	el	21			41			
2	Nf3	d5	22			42			
3	Nc3	de	23			43			
4	Nc4	hbd7	24			44			
5	d4	N9f6	25			45			
6	Bg5	Bb7	26			46			
7	Bf6	Nf4	27			47			
8	Nf6	Bf6	28			48			
9	Bd3	O-o	29			49			
10	C3	C5	30			50			
11	h6	Qc7	31			51			
12	O-o	Qc5	32			52			
13	Qf2	Qb	33			53			
14	Rfe1	Bd7	34			54			
15	Rd1	Rf6	35			55			
16	h3	Rac8	36			56			
17	Be4	Bcl	37			57			
18	Nd2	Bg7	38			58			
19	Bc6	Qc6	39			59			
20	Nc4	Rd5	40			60			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
Wen Zhibo		Lin Hsin peng		Wen Zhibo		Lin Hsin peng		Zhuo	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛									
   									
NAME		Nagman Van, Most Linh		FED		VIE		Rank	Group
BLANK		Zhang Zhijuan (SE)		FED		CHN		18 th July	V14
								Result (V)	2
								Result (O)	52
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	NT3	d5	21	B03	0-0-0	41	Qc4+	Qc4	
2		g3	22		Bc5	42	Rc4	Ka5	
3	Bg2	Q45	23	Ng2	A5	43	a4	Rd7-	
4	c4	e6	24	Rc4	Rc6	44	Rc4	Rc7	
5	Qb3	g3 6	25	Bg4	e4 Rc6	45	Kg2	Rc1	
6	Nc3	Nc4	26		e4	46	Kg5	Rg4+	
7	Nf4	Nc5	27	Bc3	Af4	47	Rg4+Bg4	Rg4	
8	Qd1	Bc4	28	Qc4	Kf7	48	Nc8	Qc6	
9	Nxc4	Nxc4	29	b4	exb4	49	Nd6	b5	
10	exd5	axd5	30	Rc6	Bc3	50	axd5	axd5	
11	Bxc4	Qxc4	31	Rxc6	Bxg4+	51	Rd5	Rb1	
12	Qd4+	c6	32	Rxg4	Qxc6	52	Rd5+	Rc5	
13	Qxc4+	Qxf7	33	Qxc4	fxg3	53	Nc5	Kxb5	
14	Q4	Qd7	34	fxg3	Rc8	54	d4	Kc4	
15	Qc4+	Qc7	35	Qb8	Rc7	55	d5	Kc5	
16	Qg3	g6	36	Rc2	Rd7	56	Kg5	Ka6	
17	Qc3	Rf6	37	Qc3	Rc7	57	Kxg6	g4	
18	d3	Bg7	38	Nc3	f6	58	g5	Ka5	
19	Qc2	c5	39	Ng5	Rf7	59	Qc6	Kc4	
20	0-0	Nc6	40	Nc5	Kc6	60	e7	Kg8	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (COUNTRY)					
									

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛										Round 2	
SHEN ZHONGYUAN CHINA										Board 52	
WHITE: Nguyen Lam Nhat Linh										Date: 14	
BLACK: Zhang Zhiyuan (SZ)										Result: 0	
P/B				V/E				C/H/N			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	Result (P)	Result (B)	
1.	Q8=Q	Kxg3	21			41					
2	Qd3	Kf2	22			42					
3	Qg2+	Kf4	23			43					
4	Qxf4	kg	24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					

SIGNATURE (WHITE)

[Signature]

SIGNATURE (BLACK)

[Signature]

SIGNATURE (ARBITER)

[Signature]

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛									
2026年28th Asian Youth Chess Championships 2026									
    									
Name		Rank		Date		Time		Round	
7.8		52							
White: Nguyen, Van Mat Link				Black: 张致远				Round: 2	
Result: 1				Result: 0				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round: 2	
Date: 7.8				Date: 7.8				Round: 2	
Time: 7.8				Time: 7.8				Round: 2	
Rank: 52				Rank: 52				Round:	

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛										Board e	
										Board Se	
										Date 7 July	
WHITE		Zhang Zhiguan CSZ				RED		UEF		RESULT 00 1	
BLACK		Nguyen Van Mat Lide				FTD		a H N		RESULT 00 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e8 = Q	k g3	21			41					
2	Q e3	k h2	22			42					
3	Q f2	k h1	23			43					
4	Q h4		24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					

SCORETIME (WHITE)	SCORETIME (BLACK)	SCORETIME (COMBINED)
20 min	20 min	20 min

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	2
Board	33

Date 7.18.2026

WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
徐晨峰		Yu Chenxi		FED		0		1	
徐晨峰		Guojian Wang		FED		1		1	
#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE
1	d4	21	c4	41					
2	Bf4	22	g6	42					
3	Nb3	23	a3	43					
4	e4	24	h4	44					
5	Bx2	25	ab	45					
6	0-0	26	ab	46					
7	B3	27	ct	47					
8	Bh6	28	Qb3	48					
9	Qh6	29	Qc4	49					
10	g4	30	Rd4	50					
11	Nh3	31	Qd5	51					
12	Rhe1	32	Qd5	52					
13	Nd4	33	Qd4	53					
14	0-0	34	Rd4	54					
15	de	35	Kd2	55					
16	Qe3	36	Qd3	56					
17	Nd4	37	Kd1	57					
18	Nb3	38	Kb1	58					
19	h4	39	Ka2	59					
20	Nd4	40	Rd2	60					
徐晨峰		Guojian Wang		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B19
Round	2
Board	53

Date 8/1/26

WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
Yu Chenxi		Yu Chenxi		CHN		0		1	
Guojian Wang		Guojian Wang		S6P		1		1	
#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE
1	d4	21	c4	41					
2	Bf4	22	h2	42					
3	Nc3	23	a3	43					
4	e4	24	b4	44					
5	Qd2	25	axb4	45					
6	0-0	26	d6	46					
7	f3	27	c5	47					
8	Bh6	28	Qc3	48					
9	Qxh6	29	Qc4	49					
10	Qc4	30	Rxd5	50					
11	Nh3	31	Qxd5	51					
12	Rhe1	32	Qag4	52					
13	Nd4	33	Qa4	53					
14	Exd5	34	Rc1	54					
15	dxe5	35	ke2	55					
16	Qe3	36	Qa3	56					
17	Nf4	37	Ra1	57					
18	Ne6	38	Kb1	58					
19	b3	39	Ka2	59					
20	Nxe5	40	Qb2	60					
徐晨峰		Guojian Wang		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	